

Hướng Dẫn Bảo Dưỡng



Máy Giặt Tự Động Hoàn Toàn

Model	NA-F100V5
Model	NA-F100X5
Model	NA-F90V5
Model	NA-F90X5
Model	NA-F85X5
Model	NA-F85G5

Màu sản phẩm: Bạc, xám
Thị trường: Việt Nam

⚠ CẢNH BÁO

Thông tin bảo dưỡng này chỉ được thiết kế cho các kỹ thuật viên sửa chữa có kinh nghiệm và không được thiết kế để sử dụng cho người không có chuyên môn. Nó không có cảnh báo hoặc phòng ngừa để báo cho các cá nhân không chuyên về kỹ thuật về mọi nguy hiểm tiềm ẩn khi cố gắng bảo dưỡng máy. Sản phẩm chạy bằng điện nên phải được bảo dưỡng và sửa chữa bởi kỹ thuật viên chuyên nghiệp có kinh nghiệm. Việc cố bảo dưỡng hoặc sửa chữa máy móc có tham khảo thông tin bảo dưỡng này bởi bất kỳ ai cũng có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

THÔNG BÁO AN TOÀN QUAN TRỌNG

Có những bộ phận đặc biệt được sử dụng trong thiết bị này rất quan trọng cho vấn đề an toàn. Các bộ phận này được đánh dấu bằng dấu "⚠" trong sơ đồ, sơ đồ bảng mạch, hình vẽ chi tiết rời và danh sách phụ kiện thay thế. Điều quan trọng là những bộ phận trọng yếu này nên được thay thế bằng các bộ phận quy định của nhà sản xuất để tránh bị điện giật, hỏa hoạn hoặc những nguy hiểm khác. Không làm thay đổi thiết kế ban đầu nếu không có sự cho phép của nhà sản xuất.

MỤC LỤC

	TRANG
1 Chú ý về an toàn-----	2
2 Thông số kỹ thuật-----	3
3 Chức năng tự khởi động lại-----	3
4 Mô tả kỹ thuật-----	4
5 Hướng dẫn Lắp đặt-----	6
6 Hướng dẫn Vận hành-----	10
7 Hướng dẫn Xử lý sự cố -----	17
8 Hướng dẫn Tháo Lắp-----	19
9 Sơ đồ Nối dây -----	30
10 Phụ kiện thay thế-----	32

1 Chú ý Về An Toàn

Để ngăn ngừa bất kỳ tai nạn nào xảy ra trong quá trình sửa chữa và đảm bảo an toàn của sản phẩm sau công tác sửa chữa, một số điều bắt buộc phải tuân thủ được giải thích bên dưới. Mức độ hư hỏng hoặc nguy hiểm phát sinh, khi bỏ qua các nội dung đã được chỉ ra, được phân loại bằng các chỉ báo được giải thích sau đây.

	Cảnh báo Nội dung trong cột của chỉ báo này là "Lưu ý rằng có thể bị chết hoặc bị thương nặng".
	Chú ý Nội dung trong cột của chỉ báo này là "Lưu ý rằng có thể bị hư hỏng hoặc có thể chỉ xảy ra việc làm hỏng đối tượng".

■ Các loại nội dung đang được tuân thủ được phân loại bằng các ký hiệu hình vẽ được giải thích sau đây. (Sau đây là ví dụ về cách thể hiện bằng hình vẽ.)

	Ký hiệu hình vẽ này có nghĩa là cần thận " Chú ý ".
	Ký hiệu hình vẽ này có nghĩa là không được làm " Điều cấm ".
	Ký hiệu hình vẽ này có nghĩa là bắt buộc phải thực hiện " Hướng dẫn ".

Cảnh báo

Kết nối cáp cần được thực hiện theo cách làm thông thường.



- Việc nối cáp phải được siết chặt bằng lực sử dụng cụ nối không hàn. (các bộ phận quy định luôn luôn sử dụng kim nối thông thường)
- Lắp đặt nắp chống lửa (chịu lửa) che phủ khu vực nối hoàn toàn, và dán kín khu vực hở bằng băng dính. (Vui lòng tận dụng nắp chống lửa đi kèm với sản phẩm.)
- Khi rút cáp xung quanh, cố định các cáp đó với bộ phận thu cáp. Không chạm vào bộ phận quay, bộ phận có nhiệt độ cao và bề mặt bằng kim loại.
- Chắc chắn thay cả bộ phận cáp khi bất kỳ cáp nào bị nứt gãy. Khi một phần của bộ phận cáp bị đứt, quý vị không được thực hiện việc sửa kết nối. Đó có thể là nguyên nhân gây ra cháy, bắt lửa hoặc điện giật.

Cẩn thận với việc bị điện giật.



Khi tiến hành bảo trì kết nối điện như đo điện áp, xin cẩn thận hết sức với việc bị điện giật tại các bộ phận sạc điện và các bộ phận cực nối cáp.

Rút phích điện ra khi thực hiện việc sửa chữa.



Cần thực hiện việc tháo, lắp và thay thế các bộ phận sau khi đã rút phích điện. Có thể bị điện giật hoặc bị thương.

Chắc chắn phải sử dụng các bộ phận quy định.



Luôn sử dụng các bộ phận quy định cho các bộ phận có dấu  trên sơ đồ mạch điện và danh sách các bộ phận. Đó có thể là nguyên nhân gây ra cháy, bắt lửa hoặc hư hỏng.

Không chạm vào bất kỳ bộ phận xoay nào bằng tay trừ khi nó đã dừng hẳn.



Chuyển động quay chậm cũng có thể quần tay quý vị vào và làm bị thương.

Cấm làm lại máy.



Không làm lại các bộ phận và thành phần của máy khi bảo trì sửa chữa. Đó có thể là nguyên nhân gây ra hư hỏng hoặc bắt lửa.

Rút thẳng ra hoặc cắm thẳng vào cực nối huasuton.



Không được vặn cái đó. Đó có thể là nguyên nhân gây ra hư hỏng hoặc bắt lửa.

Chú ý

Vui lòng đeo găng tay khi tháo, thay thế và lắp lại.



Luôn luôn đeo găng tay để tránh bị thương do mặt đầu kim loại hoặc bị điện giật khi bảo trì điện.

Xin cẩn thận với các cạnh của mặt đầu kim loại.



Mặc quần áo làm việc có tay áo dài để tránh bị thương do mặt đầu kim loại hoặc vui lòng làm việc sau khi che phủ mặt đầu kim loại bằng băng dính hoặc khăn.

2 Thông số kỹ thuật

		NA- F85G5 HRV	NA-F85X5 LRV	NA-F90X5 LRV	NA-F90V5 LRV	NA-F100X5 LRV	NA-F100V5 LRV
Điện áp định mức		220 - 240V					
Tần số định mức		50 Hz					
Công suất tiêu thụ định mức. (giặt/vắt)		430W/ 240W	430W/ 240W	460W/ 270W	1475W/ 270W	470W/ 280W	1475W/ 280W
Khối lượng giặt/vắt tiêu chuẩn	Giặt thường	8.5 kg	8.5 kg	9.0 kg	9.0 kg	10 kg	10 kg
	Giặt nhanh	8.5 kg	8.5 kg	9.0 kg	9.0 kg	10 kg	10 kg
	Giặt nhẹ	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg
	Giặt ngâm	8.5 kg	8.5 kg	9.0 kg	9.0 kg	10 kg	10 kg
	Giặt chăn, màn	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg	4.2 kg
	Đồ trẻ em	8.5 kg	8.5 kg	9.0 kg	9.0 kg	10 kg	10 kg
	Sấy gió	2.0 kg	2.0 kg	2.0 kg	2.0 kg	2.0 kg	2.0 kg
	Tiết kiệm nước	8.5 kg	8.5 kg	9.0 kg	9.0 kg	10 kg	10 kg
	Stain master/Stain master +	4.0 kg	4.0 kg	4.0 kg	4.0 kg	4.0 kg	4.0 kg
Lượng tiêu thụ nước tiêu chuẩn/lần giặt		184L		186L		191L	
Trọng lượng sản phẩm	Bao gồm phụ kiện	38 kg					
	Đóng gói	45 kg					
Nước nóng		Không có			Tối đa 60 độ	Không có	Tối đa 60 độ
Kích thước (rộng x dài x cao)		595 mm (Rộng) x 658 mm (Dài) x 1070 mm (Cao)					
Tốc độ mâm giặt (vòng/phút)		113					
Tốc độ vắt (vòng/phút)		700					
Áp suất nước cấp		0.01 - 0.8 Mpa (0.1 - 8 kgf / cm ²) / 1-18 L/min					
Động cơ		Có bảo vệ quá nhiệt					
Công tắc an toàn		kiểm tra mắt cân bằng / mở nắp khi vắt					
Chuông báo		báo khi kết thúc chu trình					
Ngăn chứa nước làm mềm vải		Có					
Lưới lọc sơ vải		Có					
Tự động tắt nguồn		Có					

3 Chức năng “TỰ KHỞI ĐỘNG LẠI”

Trường hợp mất điện giữa quá trình vận hành, máy sẽ khôi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại. (TỰ KHỞI ĐỘNG LẠI).

4 Mô tả kỹ thuật

4.1. Tính năng và thông tin kỹ thuật

Dòng máy V

Chế độ	Tổng thời gian (xấp xỉ)	GIẶT	XẢ ^{*1}	VẮT
GIẶT THƯỜNG	60 phút	12 phút	2 lần	5 phút
GIẶT NHANH	35 phút	3 phút	Xả tràn 2 lần	3 phút
GIẶT NHẸ	45 phút	9 phút	2 lần	1 phút
ĐỒ TRẺ EM	65 phút	12 phút	Xả tràn 2 lần	7 phút
TIẾT KIỆM NƯỚC	90 phút	12 phút	3 lần	5 phút
CHẶN MÀN	60 phút	12 phút	Xả tràn 2 lần	3 phút
GIẶT NGÂM	120 phút ^{*2}	(Ngâm 60 phút) + 12 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
MỒ HÔI	60 phút	10 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
BÙN ĐÁT	75 phút	25 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
NƯỚC SỐT	105 phút ^{*2}	(Ngâm 20 phút) + 25 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
CỒ & TAY ÁO	130 phút ^{*2}	(Ngâm 50 phút) + 35 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
DẦU MỠ	135 phút ^{*2}	(Ngâm 55 phút) + 40 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
DIỆT KHUẨN	180 phút ^{*2}	(Ngâm 120 phút) + 30 phút ^{*3}	2 lần	5 phút
VỆ SINH LÔNG GIẶT	140 phút ^{*2}	(Ngâm 60 phút) + 12 phút ^{*3}	Xả tràn 2 lần	30 phút ^{*4}

Dòng máy G và X

Chế độ	Tổng thời gian (xấp xỉ)	GIẶT	XẢ *1	VẮT
GIẶT THƯỜNG	60 phút	12 phút	2 lần	5 phút
GIẶT NHANH	35 phút	3 phút	Xả tràn 2 lần	3 phút
GIẶT NHẸ	45 phút	9 phút	2 lần	1 phút
ĐỒ TRẺ EM	65 phút	12 phút	Xả tràn 2 lần	7 phút
TIẾT KIỆM NƯỚC	90 phút	12 phút	3 lần	5 phút
CHĂN MÀN	60 phút	12 phút	Xả tràn 2 lần	3 phút
GIẶT NGÂM	120 phút *2	(Ngâm 60 phút) + 12 phút *3	2 lần	5 phút
MỒ HÔI	60 phút	10 phút *3	2 lần	5 phút
BÙN ĐÁT	75 phút	25 phút *3	2 lần	5 phút
NƯỚC SỐT	105 phút *2	(Ngâm 20 phút) + 25 phút *3	2 lần	5 phút
VỆ SINH LỒNG GIẶT	140 phút *2	(Ngâm 60 phút) + 12 phút *3	Xả tràn 2 lần	30 phút *4

*1 “Xả tràn” nghĩa là nạp nước vào lồng giặt và sau đó xả, đồng thời cấp nước vào lồng giặt.

*2 Thời gian còn lại (tối đa 90 phút) sẽ hiển thị.



*3 Đèn báo “12 PHÚT” của giai đoạn GIẶT nhấp nháy.

*4 Đèn báo “7 PHÚT” của giai đoạn VẮT nhấp nháy.



LƯU Ý

- Tổng thời gian chỉ là tương đối.
(Tốc độ cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút và nhiệt độ nước là 28 °C.)
- Tổng thời gian có thể tăng, tùy thuộc vào các điều kiện như: áp suất nước thấp, nhiệt độ nước, điện áp, điều kiện thoát nước chưa tốt, khối lượng và loại quần áo giặt.

4.2. Phụ kiện tùy chọn

Bộ ống áp suất

AXW1251-201---1m

AXW1251-202---2m

AXW1251-203---3m

AXW1251-205---5m

AXW1251-250---0,5m

5 Hướng dẫn Lắp đặt

Đảm bảo việc lắp đặt phải được thực hiện bởi nhân viên bảo trì.

- Không tự ý lắp đặt.
- Nếu không tiến hành lắp đặt, chạy thử và kiểm tra máy giặt theo phương pháp lắp đặt này, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm cho mọi tai nạn hoặc hỏng hóc phát sinh.

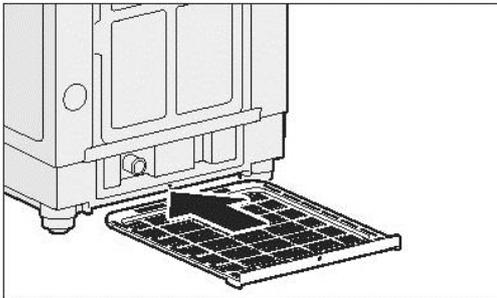
1. Kiểm tra vị trí lắp đặt.

■ **Tránh lắp đặt ở các vị trí sau.**

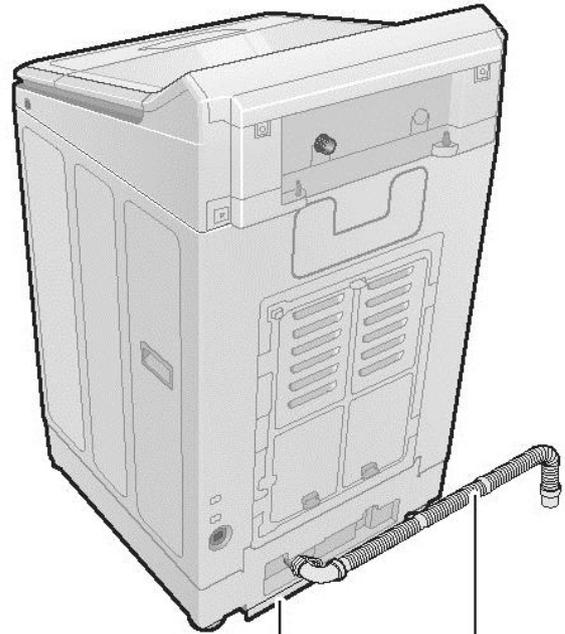
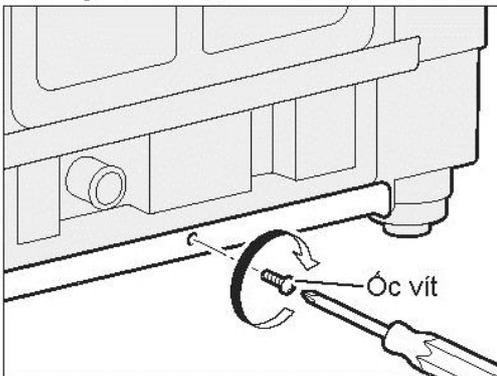
- Vị trí ẩm ướt hoặc vị trí dễ bị thấm nước mưa, v.v.
(Để tránh điện giật hoặc hỏa hoạn)
- Vị trí không bằng phẳng hoặc không vững chắc (trên bệ, thanh gỗ, bàn có gắn bánh xe, v.v.)
- Vị trí nước có thể đóng băng.

2. Lắp tấm bọc đáy.

1 Gắn tấm bọc đáy dọc theo các thanh dẫn.



2 Cố định bằng vít.

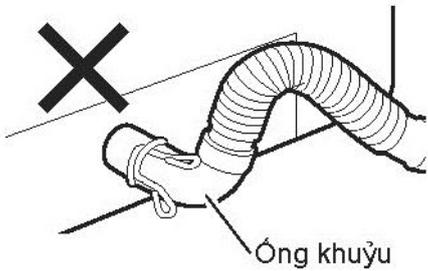
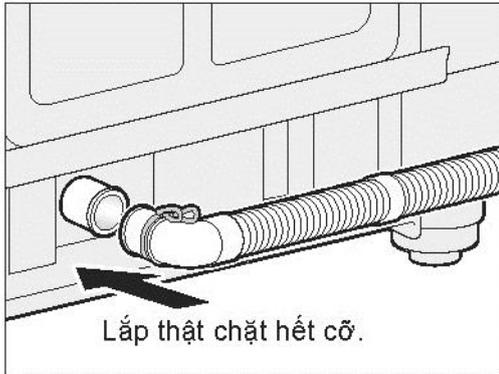


Tấm bọc đáy

Ống thoát nước bên ngoài

3. Gắn ống xả ngoài

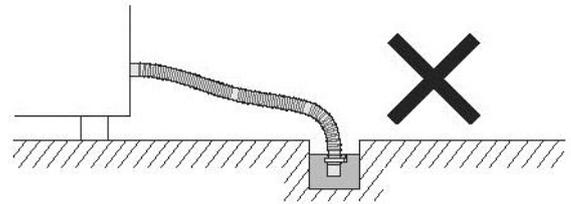
1 Nối.



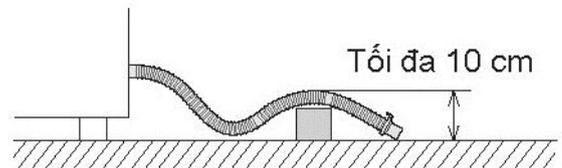
Không dựng ngược ống khuỷu lên.

LƯU Ý

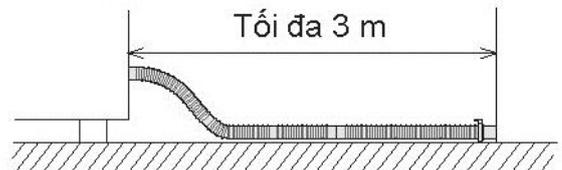
- Không đặt đầu ống xuống nước.



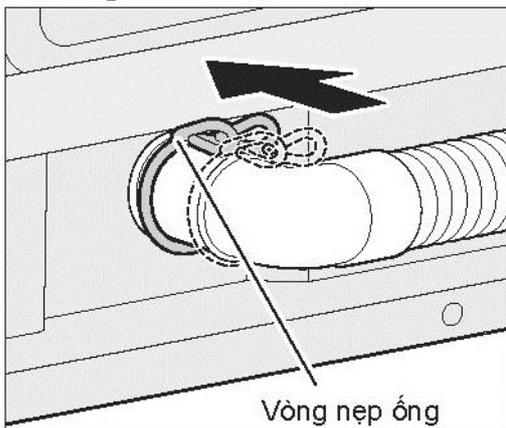
- Không nhắc ống xả cao hơn sàn nhà 10 cm.



- Không nối ống khiến tổng chiều dài vượt quá 3 m.

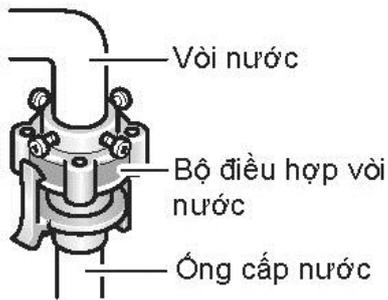


2 Trượt vòng nẹp ống theo hướng mũi tên.



- Tiếp tục trượt cho đến khi dừng hẳn.

4. Nối bộ điều hợp vòi nước và ống cấp nước.

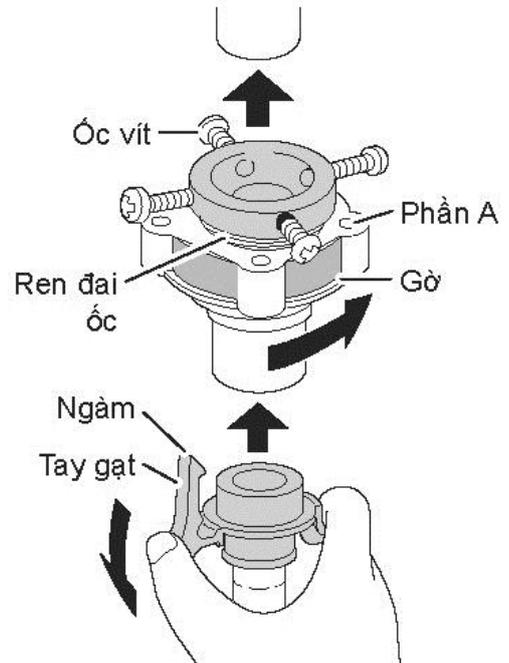


⚠ CẢN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

1 Nối bộ điều hợp vào vòi nước.

- 1 Xoay phần A sang trái cho đến khi ren đai ốc lộ ra khoảng 4 mm.
- 2 Nới lỏng 4 ốc vít.
- 3 Nối với vòi nước và vặn chặt các ốc vít.
- 4 Xoay phần A sang bên phải và vặn chặt. (Để tránh rò rỉ nước)

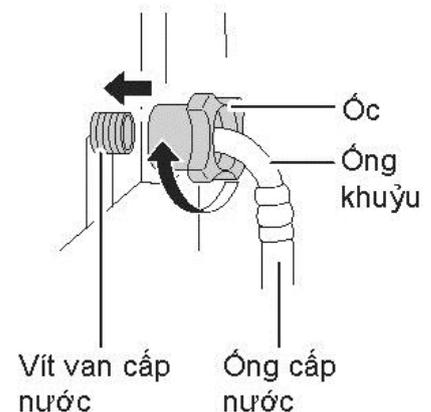


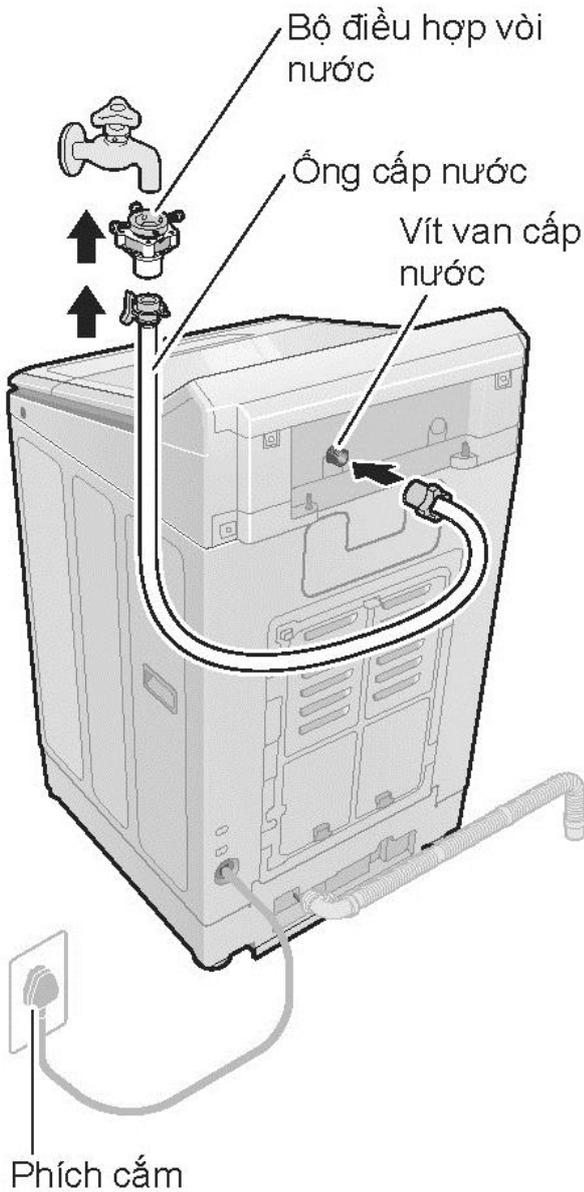
2 Nối ống cấp nước với bộ điều hợp vòi nước.

Gắn ống cấp nước vào bộ điều hợp vòi nước trong khi ấn tay gạt xuống và móc ngàm của tay gạt vào gờ của bộ chuyển đổi.

3 Nối ống cấp nước với vít van cấp nước.

- 1 Nhấc giữ ống khuỷu và siết chặt đai ốc.
- 2 Kiểm tra xem ống khuỷu có bị lỏng không.



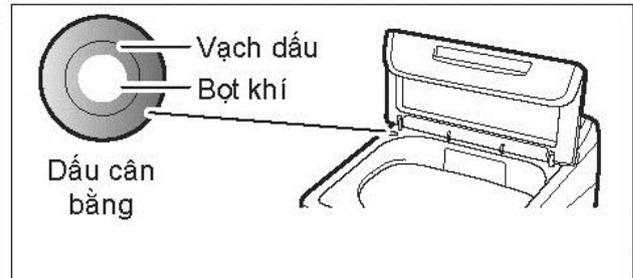


5. Nối phích cắm và dây nối đất.

- Yêu cầu nhân viên bảo trì thực hiện công tác nối đất.
- Trong trường hợp sử dụng dây nguồn có 2 chân cắm, hãy tiến hành nối đất.

6. Kiểm tra tình trạng cân bằng của máy giặt.

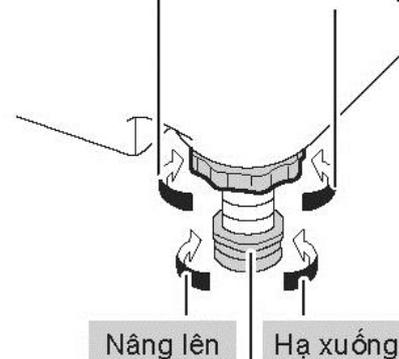
Bọt khí nên nằm ở trung tâm của vạch dầu.



■ Nếu bọt khí vượt quá vạch dầu

1 Xoay núm chân điều chỉnh sang trái để nới lỏng.

3 Xoay sang phải để siết chặt.



2 Xoay chân điều chỉnh sao cho hết lung lay.

7. Tiến hành chạy thử.

- Kiểm tra xem nước có bị rò rỉ, có tiếng kêu bất thường hoặc thông báo lỗi không.

6 Hướng dẫn Vận hành

6.1. Bảng điều khiển của se-ri V

Thay đổi lượng nước

Trong quá trình giặt, ấn "MỨC NƯỚC" để thay đổi lượng nước.

- Tùy vào từng giai đoạn giặt, không thể chọn được một vài lượng nước nhất định.
- Khi thời gian còn lại được hiển thị, ấn "MỨC NƯỚC" để kiểm tra lượng nước.

Mức nước / Thời gian còn lại

Sau khi khởi động, lượng nước được hiển thị theo khối lượng quần áo giặt.

Sau khoảng 5 giây, thời gian giặt còn lại sẽ hiển thị (phút).

Hướng dẫn lượng chất giặt tẩy

Mức nước (L)	Lượng chất giặt tẩy ¹⁾
72 ²⁾	59
51	47
38	33
14	27

1) : 1 muỗng chất giặt
 2) NA-F100V5: 72 L
 NA-F90V5: 69 L

Thay đổi cài đặt quá trình giặt

Thay đổi sự kết hợp của các quá trình giặt, xả, và vắt, và thời gian vận hành hoặc số lần hoạt động của mỗi quá trình riêng lẻ. (Trang 18)

Thay đổi cài đặt quá trình giặt

Sau khi bắt đầu giặt, bạn có thể thay đổi các cài đặt chỉ khi máy trong giai đoạn giặt bằng cách bấm "KHỞI ĐỘNG" / "DỪNG". (Không thể thay đổi cài đặt giai đoạn giặt của các chế độ "Stain Master +" và "GIẶT NGÂM".)

HÈN GIỜ

Cài thời gian kết thúc quá trình giặt (theo tiếng). (☀️ sáng) ví dụ: 8 tiếng sau

KHOẢNG CÀI ĐẶT:

- 2 - 24 tiếng, tăng dần từng tiếng.
- 1 - 24 tiếng sau dành cho chương trình "GIẶT NHANH", "GIẶT NGÂM"
- 3 - 24 tiếng sau dành cho chương trình "GIẶT SINH LÔNG"

Không hỗ trợ cho các chương trình sau:
 "GIẶT NHẸ", "CHĂM MÀNG", "VỆ SINH LÔNG GIẶT", "SẤY GIÓ 90°"

Đổi với chương trình "Stain Master +" (Trang 17)

LƯU Ý

- Trường hợp mất điện giữa quá trình vận hành, máy sẽ khởi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại. (TỰ KHỞI ĐỘNG LAI).
- Điện sẽ tự động ngắt nếu bạn không ấn "KHỞI ĐỘNG" / "DỪNG" trong vòng 10 phút sau khi bắt nguồn.

Stain Master + (Trang 17)

Bộ cấp nhiệt Bật - Đèn nhấp nháy

ECONAVI (Trang 15)

NGUỒN POWER

Off/On

NGUỒN POWER

Stain Master +

ECONAVI

Off/On

NGUỒN POWER

Stain Master +

ECONAVI

Off/On

NGUỒN POWER

6.2. Bảng điều khiển của se-ri G và X

Thay đổi lượng nước

Trong quá trình giặt, ấn "MỨC NƯỚC" để thay đổi lượng nước.

- Tùy vào từng giai đoạn giặt, không thể chọn được một vài lượng nước nhất định.
- Khi thời gian còn lại được hiển thị, ấn "MỨC NƯỚC" để kiểm tra lượng nước.

Mức nước / Thời gian còn lại

Sau khi khởi động, lượng nước được hiển thị theo khối lượng quần áo giặt.

Hướng dẫn lượng chất tẩy

Mức nước (L)	Lượng chất giặt tẩy ¹⁾
72 ²⁾	55
51	47
38	33
14	27

1) : 1 muỗng chất giặt
 2) NA-F100X5: 72 L NA-F85X5: 66 L
 NA-F90X5: 69 L NA-F85G5: 66 L

Thay đổi cài đặt quá trình giặt

Thay đổi sự kết hợp của các quá trình giặt, xả, và vắt, và thời gian vận hành hoặc số lần hoạt động của mỗi quá trình riêng lẻ. (Trang 18)

SẢY GIỜ 90° (Trang 18)

- Sau khi bắt đầu giặt, bạn có thể thay đổi các cài đặt chỉ khi máy trong giai đoạn giặt bằng cách bấm "KHỞI ĐỘNG" / "DỪNG". (Không thể thay đổi cài đặt giai đoạn giặt của các chế độ "Stain Master +" và "GIẶT NGẤM".)

HÈN GIỜ

Cài thời gian kết thúc quá trình giặt (theo tiếng). (☀️ sáng.)

8 ví dụ: 8 tiếng sau

- Khoảng cài đặt:
 - 2 - 24 tiếng, tăng dần từng tiếng.
 - (1 - 24 tiếng sau dành cho chương trình "GIẶT NHANH"
 - 3 - 24 tiếng sau dành cho chương trình "GIẶT NGẤM")
- Không hỗ trợ cho các chương trình sau: "GIẶT NHẸ", "CHĂM MÀN", "VỆ SINH LỒNG GIẶT", "SẢY GIỜ 90°"

Stain Master (Trang 17)

ECONAVI (Trang 15)

NGUỒN TẮTBẬT

NGUỒN

Off / On

LƯU Ý

- Trường hợp mất điện giữa quá trình vận hành, máy sẽ khởi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại. (TUY KHỞI ĐỘNG LẠI).
- Điện sẽ tự động ngắt nếu bạn không ấn "KHỞI ĐỘNG" / "DỪNG" trong vòng 10 phút sau khi bắt nguồn.

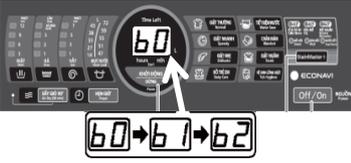
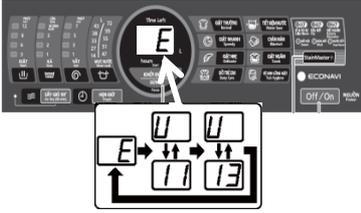
7 Hướng dẫn Xử lý sự cố

7.1. Chạy Thử không có Nước



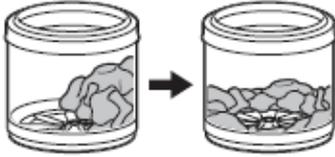
1. Tắt nguồn của máy giặt.
2. Nhấn và giữ tổ hợp phím [Giặt] và [Xả] bằng một tay [1].
3. Nhấn nút bật nguồn máy giặt bằng tay còn lại [2].
4. Dừng nhấn tổ hợp phím và nút nguồn đã nhấn ở bước 2 và 3 ở trên.
(Quy trình kiểm tra A có thể được thực hiện ngay khi bạn dừng nhấn tổ hợp phím)
5. Trong vòng 3 giây, nhấn nút [Giặt] để chọn quy trình kiểm tra như bảng dưới đây.

Số lần nhấn nút "Giặt"	Quy trình kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Hiện thị đèn	Hiện thị trước khi hoạt động	Hiện thị trong khi hoạt động
0	A	Kiểm tra âm thanh báo kết thúc giặt (Kêu 0.4 giây - Tắt 0.8 giây, 3 lần). Sau đó tự động tắt nguồn.		Hiện thị thời gian còn lại [88] (Hiện thị [02] nếu bộ nhớ bị lỗi) Hiện thị quy trình Đèn [giặt], [xả], [vắt] sáng	Hiện thị thời gian còn lại [88] Đèn hiển thị nhấp nháy theo thông tin ở cột bên trái Đèn hiển thị nhấp nháy như thông tin ở cột bên trái cho từng dòng máy.
				Khi âm thanh báo được đặt ở Tắt (OFF) --- đèn [KHÓA AN TOÀN/MỞ KHÓA] bật sáng.	
1	B	Ngay cả khi không có nước cấp, máy vẫn thực hiện quay đảo trong 6 phút. Bộ nhớ được kiểm tra đồng thời; Nếu không ghi được, máy hiển thị lỗi bộ nhớ (H05). Lỗi (H17) được hiển thị khi điện trở nhiệt bị lỗi.		Hiện thị thời gian còn lại. [Time left] [6] [phút] Hiện thị quy trình Đèn [giặt] sáng	Hiện thị thời gian còn lại Đếm lùi Hiện thị quy trình giặt Đèn hiển thị nhấp nháy theo thông tin như cột bên trái cho từng dòng máy.
		Nhấn nút [Chương trình] để thay đổi kiểu đảo nước sau 1 giây [GIẶT NHẸ] [GIẶT THƯỜNG]		a) Đảo nước kiểu giặt đồ nhẹ. b) đèn PROCESS sáng, máy hiển thị chế độ giặt [3] giặt nhẹ. Nước được khuấy theo kiểu giặt đồ nhẹ a) Đảo nước kiểu giặt thường. b) đèn PROCESS sáng, máy hiển thị chế độ giặt [1] giặt thường. Nước được khuấy theo kiểu xoay nước nhịp điệu	

Số lần nhấn nút "Giặt"	Quy trình kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Hiển thị đèn	Hiển thị trước khi hoạt động	Hiển thị trong khi hoạt động						
2	C	<p>Quy trình vắt được thực hiện trong 8 phút. Tùy thuộc việc nhận dạng trạng thái mất cân bằng, thông báo lỗi mất cân bằng ngay lập tức được hiển thị; khi nắp máy được mở rồi đóng lại, máy sẽ tiếp tục hoạt động.</p> <p>Thiết lập cường độ vắt công tắc nắp máy là ON bằng cách nhấn nút [Xả].</p> <p>Có thể thực hiện kiểm tra hoạt động của công tắc nắp máy và công tắc an toàn.</p>		<p>Hiển thị thời gian còn lại [Time left] [8] [phút]</p> <p>Hiển thị quy trình Đèn [vắt] sáng</p>	<p>Hiển thị thời gian còn lại Đếm lùi</p> <p>Hiển thị quy trình Nháy đèn hiển thị theo thông tin như cột bên trái.</p>						
				<p>- Công tắc nắp máy ở trạng thái tắt (OFF) – mở nắp máy.</p> <p>Đèn [HÈN GIỜ] bật sáng + chuông cảnh báo nắp máy đang mở sẽ kêu.</p> <p>- Công tắc an toàn ở trạng thái tắt (OFF)</p> <p>Đèn led [HOUR] bật sáng + chuông cảnh báo nắp máy đang mở sẽ kêu.</p>							
3	E	<p>Thiết lập mức nước cao hơn một mức so với mức nước thông thường được xác định bởi lượng đồ giặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấn nút [Xả] để lựa chọn sử dụng chức năng hiệu chỉnh hay không. Nhấn nút [KHỞI ĐỘNG/DỪNG] sau khi lựa chọn để lưu thiết lập. 		<p>Không hiệu chỉnh [L0] (trạng thái mặc định)</p> <p>Hiệu chỉnh (Mức nước cao hơn 1 mức) [L1]</p> <p>Hiển thị quy trình Đèn [xả], [vắt] sáng</p>	<p>Các đèn LED hiển thị theo thông tin như cột bên trái.</p> <p>Hiển thị quy trình</p> <p>Hiển thị nhấp nháy theo thông tin như cột bên trái.</p>						
4	M	<p>Nhấn nút [KHỞI ĐỘNG/DỪNG] để xóa thông tin liên quan đến độ căng dây đai.</p> <table border="1" data-bbox="277 1402 488 1458"> <thead> <tr> <th>Item</th> <th>Default</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Belt tension rank</td> <td>0(3N)</td> </tr> <tr> <td>Number of belt tension operations</td> <td>0 times</td> </tr> </tbody> </table>	Item	Default	Belt tension rank	0(3N)	Number of belt tension operations	0 times		<p>Độ căng dây đai mức 0 (b0) (trạng thái mặc định)</p> <p>Độ căng dây đai mức 1 (b1): hơi lỏng</p> <p>Độ căng dây đai mức 2 (b2): rất lỏng</p> <p>Hiển thị quy trình Đèn [xả] sáng</p>	<p>Các đèn LED hiển thị theo thông tin như cột bên trái.</p> <p>Hiển thị quy trình</p> <p>Hiển thị nhấp nháy theo thông tin như cột bên trái.</p>
Item	Default										
Belt tension rank	0(3N)										
Number of belt tension operations	0 times										
5	G	<p>Hiển thị lịch sử thông báo lỗi.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấn nút [Xả] để thay đổi hiển thị thông báo lỗi gần nhất và một lỗi trước đó. Khi hiển thị lỗi, loại thông báo lỗi (U hoặc H) và số mã lỗi được lần lượt hiển thị. Các thông báo lỗi trong quá trình kiểm tra kỹ thuật, quá trình demo và chức năng kiểm tra cũng như các lỗi U12 và H05 sẽ không được ghi lại. 		<p>khi hiển thị các lỗi U11 và U13 như hình dưới đây)</p> <pre> [E] → [U] → [U] ↑ ↓ ↑ ↓ [1 1] [1 3] </pre> <p>Mặc định lỗi gần nhất và một lỗi trước đó.</p> <p>Đèn [giặt], [vắt] sáng</p>	<p>Các đèn LED bật sáng như thông tin ở cột bên trái.</p> <p>Hiển thị quy trình</p> <p>Hiển thị nhấp nháy theo thông tin như cột bên trái.</p>						
				<p>Chu trình hiển thị các thông báo lỗi: [U hoặc H] (1.0 giây) - Tắt (0.2 giây) - [Mã lỗi] (1.2 giây) – Tắt (0.4 giây)</p>							

Số lần nhấn nút "Giặt"	Quy trình kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Hiển thị đèn	Hiển thị trước khi hoạt động	Hiển thị trong khi hoạt động
6	H	<p>Hiển thị số lần hoạt động của máy giặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhấn nút [Xả] để hiển thị số lần hoạt động của máy như trình bày ở cột bên phải. Cách thức đếm số lần hoạt động của máy là khi tất cả các quá trình giặt, xả, vắt được hoàn thành thì được tính là 1 lần hoạt động. Khi số lần hoạt động của máy vượt quá 9999 lần, chữ số hiển thị hàng nghìn sẽ chuyển thành A; và sau đó sẽ tiếp tục hiển thị từ A000 đến 999. 		<p>(Ví dụ: số lần giặt là 1234 lần) Số lần giặt mặc định hiển thị như hình dưới.</p> <p>[C] → [1 2] → [3 4] [Preset]</p> <p>Hiển thị quy trình Đèn [giặt],[xả] sáng</p>	

7.2. Bảng Lỗi

Lỗi hiển thị	Các điểm cần kiểm tra
 <p>Không thể xả nước.</p>	<p>Kiểm tra ống xả xem có xảy ra các bất thường sau không:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống bị xoắn? - Ống bị xơ vải làm tắc? - Đầu ống bị nhúng vào nước? - Có đoạn ống cao hơn sàn nhà 10 cm? (Trang 25) - Tổng chiều dài ống lớn hơn 3 m (bao gồm cả ống nối)? (Trang 25) <p>Sau khi giải quyết các vấn đề trên, người dùng có thể cho máy chạy tiếp bằng cách mở và đóng nắp lại.</p>
 <p>Nắp đang mở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bạn đã cố gắng vận hành máy giặt khi mở nắp? →Đóng nắp lại.
 <p>Chế độ Vắt hoặc "SẤY GIÓ 90" không thể sử dụng được.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ giặt có bị tập trung ở một bên lồng giặt? →Sắp xếp đồ giặt cân bằng trong lồng, sau đó đóng nắp lại. - Máy giặt đặt ở vị trí không vững chắc hoặc bề mặt sàn nhà bị dốc? →Người dùng có thể cho máy chạy tiếp bằng cách mở và đóng nắp lại. 
 <p>Không thể cấp nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vòi nước được mở chưa? - Có bị cúp nước không? - Lưới lọc cấp nước có bị bụi bẩn làm tắc nghẽn không? (Trang 23) →Người dùng có thể cho máy chạy tiếp bằng cách mở và đóng nắp lại.
 <p>Máy buộc phải xả hết nước ra.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khi thiết lập chế độ an toàn cho trẻ nhỏ (Trang 20), nếu mở nắp quá 10 giây thì máy buộc phải xả hết nước ra. →Rút dây nguồn và cắm lại sau 5 giây.
 <p>Yêu cầu kiểm tra.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hãy khóa vòi nước để đảm bảo an toàn. Sau đó liên hệ nhân viên bảo trì và thông báo lỗi hiển thị (2 chữ số sau "H"). Rút phích cắm.

Hiện tượng		Các điểm kiểm tra
H01	Lỗi cảm biến mực nước	Lỗi tiếng ồn và sóng vô tuyến. Kiểm tra xem đầu nối có được kết nối và cắm vào đúng cách không. Kiểm tra để biết rằng dây điện không bị đứt. Kiểm tra lỗi cảm biến mực nước.
H02	Lỗi triac động cơ	•Khi lồng giặt vẫn quay. Thay bộ điều khiển. •Khi lồng giặt không quay. Lỗi bộ điều khiển hoặc cảm biến xoay *Nguồn tự động tắt sau 5 giây sau khi có chỉ báo [H02].
H04	Lỗi ngắn mạch rò le của nút nguồn	Kiểm tra để biết chắc rằng lỗi thiếu lớp không xảy ra ở bộ phận được nạp như động cơ hoặc van cấp nước. * Khi không xảy ra lỗi thiếu lớp Thay bộ điều khiển ở phía được nạp. * Khi xảy ra lỗi thiếu lớp. Thay đồng thời cả bộ phận được nạp, chỗ xảy ra lỗi thiếu lớp và bộ phận điều khiển phía nạp.
H05	Lỗi truy cập vào bộ nhớ máy tính	Thay bộ điều khiển. Chỉ phát hiện trong phần kiểm tra bảo trì B (xem trang 12).
H12	Lỗi công tắc an toàn	(khi chân cắm của công tắc an toàn bị tuột/lỏng trong vòng 30 giây) Cắm lại cho chắc chắn. (Khi công tắc an toàn mở và nắp máy đóng liên tục trong 30 giây) Kiểm tra trạng thái mở của công tắc an toàn.
H17	Lỗi cảm biến nhiệt độ nước Econavi	Thay cảm biến nhiệt độ nước.
H20	Lỗi cảm biến nhiệt độ của bộ đốt nóng	Sau khi bắt đầu giặt 20 phút, nhiệt độ nước không thay đổi. • Kiểm tra cảm biến nhiệt độ trên bộ đốt nóng • Kiểm tra chân cắm, dây dẫn của cảm biến nhiệt độ. • Bo mạch bị hỏng điện trở.
H21	Lỗi tràn	•(Khi không dừng cấp nước). Kiểm tra bo mạch hoặc thay van cấp nước. •(khi không cấp nước) Kiểm tra các bộ phận liên quan đến kiểm tra mực nước như cảm biến mực nước hoặc ống thông hơi.
H23	Lỗi mạch rò le của bộ đốt.	• Kiểm tra chân cắm, dây dẫn của bộ đốt nóng. • Kiểm tra bộ đốt nóng • Kiểm tra bo mạch.
H42	Lỗi nhiệt độ quá cao.	Nhiệt độ cao hơn 95 độ và máy vẫn đang hoạt động. • Tắt máy và kiểm tra lại bo mạch. • Kiểm tra cảm biến nhiệt độ, chân cắm, dây tín hiệu của bộ đốt nóng. (Lỗi này sẽ không hiển thị trên màn hình nhưng sẽ được lưu trong lịch sử lỗi)

7.3. Bảng Xử lý sự cố

Thiết bị tương ứng		Sự cố (Điểm kiểm tra)											Khác	
		Bảng điều khiển	Van cấp nước	Cảm biến mực nước	Ống hơi	Công tắc an toàn	Động cơ kéo van xả	Motor	Tụ điện	Bộ phận cơ	Bộ thanh treo (quang treo)	Bộ đun nước nóng		
Máy giặt không làm việc	Không có đèn ở bảng điều khiển	Y												Nguồn điện
	Đèn (led 7 thanh) ở bảng điều khiển bật sáng	Y	Y				Y							
Lượng nước bên trong không bình thường	Cấp nước ngay khi bấm ON/OFF	Y	Y											
	Không có tiếng nước phát ra từ van cấp nước	Y	Y											Kiểm tra nguồn nước
	Có tiếng nước phát ra từ van cấp nước													Kiểm tra nguồn nước
	Không đủ lưu lượng nước			Y										Kiểm tra nguồn nước
Nước không nóng	Nước không ngừng chảy vào	Y	Y	Y	Y									
	Nước không nóng khi chọn chế độ stain master+	Y										Y		Nguồn điện
Hệ thống mâm giặt không làm việc	Mâm giặt không quay (không có tiếng động cơ)	Y							Y					
	Mâm giặt không quay (có tiếng động cơ)								Y					Dây đai
	Mâm giặt chỉ quay một chiều	Y												
	Mâm giặt quay chậm	Y						Y	Y					Dây đai
Thoát nước bất thường	Không xả nước	Y						Y						
	Xả nước chậm	Y						Y						
Hệ thống vắt bất thường	Không vắt (Không có tiếng động cơ)	Y					Y		Y	Y				
	Không vắt (Có tiếng động cơ)	Y						Y		Y				Belt
	Không có lực khi vắt (Lồng giặt quay chậm)	Y						Y	Y	Y				Belt
Tiếng ồn to bất thường	Tiếng ồn to khi đang giặt								Y		Y	Y		Dây đai, động cơ, có gì đó bị kẹt
	Tiếng ồn to khi đang vắt khô								Y		Y	Y		Kiểm tra lắp đặt, có gì đó bị kẹt
Nước rò rỉ	Nước rỉ ra từ ống thoát nước							Y						Có gì đó bị tắc
	Nước rỉ ra từ van cấp nước		Y											Gioăng cao su
	Nước rỉ ra từ đáy máy giặt											Y		Ống xả A, vỏ lồng
Làm việc không đúng cách	Nước được cấp khi đang vắt	Y	Y	Y	Y									Lồng giặt không cân
	Xả trên 3 lần						Y					Y		Lồng giặt không cân
	Mâm giặt quay dù không có nước	Y			Y									
	Chương trình chức năng không thay đổi	Y		Y										Sách hướng dẫn sử dụng
	Không ghi nhớ được chương trình giặt đã chọn	Y												Sách hướng dẫn sử dụng
	Nước làm mềm vải chảy đi quá nhanh													Sách hướng dẫn sử dụng
	Mâm giặt quay trong phạm vi ngắn khi giặt và xả													Sách hướng dẫn sử dụng
Làm việc ở mức độ giặt thấp sau đó cấp nước lại													Sách hướng dẫn sử dụng	

7.4. Hiện tượng

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	Thời gian hiển thị tăng lên hoặc không đổi.	- Thời gian hiển thị chỉ là giá trị tương đối. Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động và sẽ hiển thị trên bảng điều khiển.
	Thời gian giặt dài hơn thời gian hiển thị. Vận hành không kết thúc ngay cả sau thời gian hẹn giờ.	- Thời gian hoạt động của máy có thể lâu hơn nếu đồ giặt dồn sang một bên hoặc hệ thống cấp nước hoặc xả nước kém. (Trang 28 “U 11” “U 14”)
Thân máy	Không hoạt động	- Có bị mất điện không? - Nắp đã đóng chặt chưa? - Cầu chì bị đứt hoặc át tô mát có bị nhảy không? - Dây nguồn có cắm chặt không? - Vòi nước được mở chưa? - Bấm nút “KHỞI ĐỘNG” chưa? - Đã cài đặt hẹn giờ chưa?
	Không thể thay đổi cài đặt chế độ (sau khi khởi động).	- Các cài đặt chế độ có thể được thay đổi trong giai đoạn giặt bằng cách bấm “DỪNG”. Để thay đổi chế độ hoặc cài đặt sau giai đoạn giặt, tắt nguồn điện và bật lại.
Giặt	Nguồn nước không được cấp	- Vòi nước được mở chưa? - Có bị mất nước không? - Lưới lọc cấp nước có bị bụi bẩn làm tắc nghẽn không? (Trang 23)
	Nước được cấp thêm khi đang trong quá trình giặt.	- Khi mực nước xuống thấp, máy tự động cấp thêm nước. - Đối với lượng đồ giặt nhiều, nước sẽ tự động cấp thêm vài lần.
	Mực nước quá cao so với lượng đồ giặt.	- Nếu đồ giặt bị ướt hoặc có nước trong lồng giặt trước khi vận hành, mực nước vào máy có thể cao hơn.
	Mực nước quá thấp so với lượng đồ giặt.	- Đối với quần áo nhẹ (sợi tổng hợp, v.v.), mực nước vào máy có thể thấp hơn.
Xả / Vắt	Máy giặt đã bắt đầu quy trình xả nhưng không có nước.	- Nếu không có nước trong lồng giặt, nước sẽ được cấp sau khi vắt. - Nếu có nước trong lồng giặt, nước sẽ được cấp sau khi xả nước.
	Máy giặt đột ngột chuyển sang quy trình xả khi đang vắt. Chỉ muốn vắt nhưng máy lại bắt đầu bằng chế độ xả.	- Nếu đồ giặt trong lồng giặt bị dồn qua một bên, máy giặt tự động chuyển sang quy trình xả để sắp xếp đồ giặt cho cân bằng. (Nên xếp đồ giặt đồng đều.)
	Máy giặt xoay không đều trong khi đang vắt	- Tốc độ xoay của lồng giặt được điều chỉnh để giảm bột bọt trong khi đang vắt.
Các sự cố khác	Mất điện / Át tô mát bị nhảy.	- Nếu có điện trở lại, máy giặt sẽ tiếp tục hoạt động ở điểm dừng lúc trước (TỰ KHỞI ĐỘNG LẠI).
	Mất nước	- Sau khi có nước trở lại, hãy tháo ống cấp nước để xả nước đục từ vòi nước, sau đó bắt đầu khởi động máy giặt.
	Chế độ “Stain Master +” không hiệu quả (Không đánh bay được các vết bẩn).	- Đã thực hiện các biện pháp xử lý trước khi giặt chưa? (giặt bằng tay, cho chất tẩy vào, v.v.) - Lượng đồ giặt có nhỏ hơn 4,0 kg không? (Trang 17) - Chế độ “Stain Master +” có được lựa chọn theo loại vết bẩn không? (Trang 10)
	Bột giặt không tan hết.	- Cho chất giặt vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy. (Trang 12)
	Quá trình giặt dừng giữa giai đoạn giặt hoặc xả.	- Đèn có nhấp nháy không? → Mâm giặt sẽ thỉnh thoảng dừng để ngâm quần áo đồng thời đèn sẽ nhấp nháy. Điều này là bình thường.

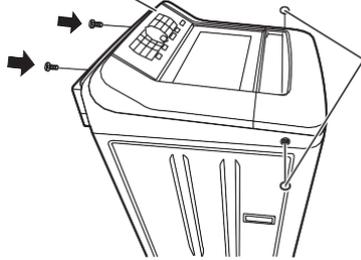
8 Hướng dẫn Tháo Lắp

8.1. Thay thế bộ điều khiển

1. Bóc miếng dán 2 bên thân máy (các đầu bịt kín có gắn keo dính) và tháo 2 vít ra.
2. Tháo 02 ốc vít ở hai bên phía sau lưng máy (trái và phải) và tháo nắp lưng bảng điều khiển.

*Miếng dán 2 bên là các đầu bịt hốc bắt vít có gắn keo dính. Xử lý các đầu bịt cẩn thận không làm mất hoặc uốn cong chúng.

Nắp lưng bảng điều khiển



3. Nhấc nắp lưng bảng điều khiển lên như hình dưới.



4. Tháo móc giữ và tháo nắp che A của khối điều khiển (Nắp kim loại).



5. Tháo 05 ốc vít và tháo khối điều khiển.



6. Tháo toàn bộ các giắc cắm trên khối điều khiển.

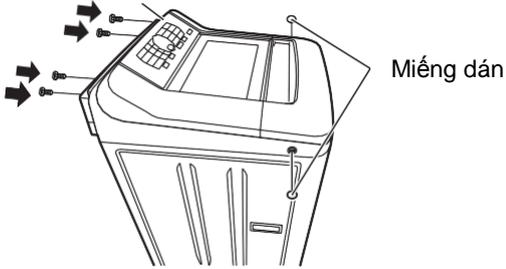
*Sau khi thay bộ điều khiển, hãy chắc chắn bật nguồn lên hoặc kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả các nút hoạt động đúng cách.



8.2. Thay van cấp nước, thiết bị cảm biến áp suất và Công tắc an toàn

1. Bóc miếng dán 2 bên thân máy (các đầu bịt kín có gắn keo dính) và tháo 2 vít ra.
2. Tháo 4 ốc vít ở hai bên phía sau lưng máy (trái và phải) và tháo nắp lưng bằng điều khiển
 - Miếng dán 2 bên là các đầu bịt hốc bắt vít có gắn keo dính. Xử lý các đầu bịt cẩn thận không làm mất hoặc uốn cong chúng.

Nắp lưng bằng điều khiển



Miếng dán

3. Tháo nắp che A của khối điều khiển(nắp kim loại)
4. Tháo toàn bộ các giác cắm trên khối điều khiển
5. Tháo 2 ốc vít và khối cảm biến
6. Nhấc thân máy B lên, tháo vít (4 vít) trên nắp sau của bảng điều khiển A ra và kéo nắp sau của bảng điều khiển A xuống.



Nắp sau bảng điều khiển A

Khi Thay thế van nước

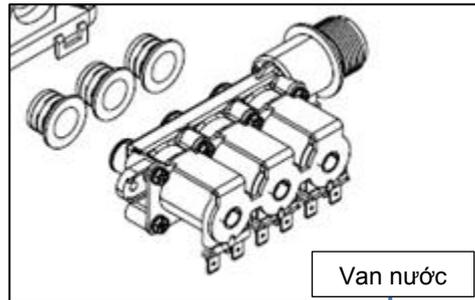
7. Tháo van cấp nước ra khỏi lắp lưng bằng điều khiển A.
8. Tháo đệm cao su ra khỏi van cấp nước và lắp vào van cấp nước thay thế.
 - Nếu quên lắp đệm cao su, nước có thể rò rỉ
 - Sau khi thay van cấp nước, mở nước cho chảy vào và kiểm tra để đảm bảo rằng không có nước rò rỉ

Khi Thay thiết bị cảm biến áp suất.

9. Tháo các móc ra và tháo đầu nối ra.
 - Sau khi thay thế thiết bị cảm biến Áp suất, mở nước cho chảy vào và kiểm tra để đảm bảo rằng nước dừng lại ở mức quy định

Khi thay công tắc an toàn.

10. Tháo 2 vít của công tắc an toàn ra.
11. Tháo đầu nối ra khỏi công tắc an toàn
 - Sau khi thay công tắc An toàn, chạy chế độ vắt khô và kiểm tra để đảm bảo rằng chế độ vắt khô hoạt động đúng cách



Van nước

Công tắc an toàn

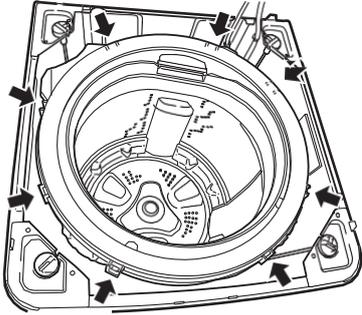


Cảm biến áp suất

Cảm biến Eco (dòng G,X)

8.3. Thay bộ phận truyền động

1. Làm theo hướng dẫn quy trình từ 8.2.1 đến 8.2.2.
2. Đặt thân máy B dựa vào sản phẩm và tường để giữ.
3. Tháo nắp lồng giặt Ngoài ra (8 móc).



4. Tháo mâm giặt ra.

*Tháo nắp che vít mâm giặt.

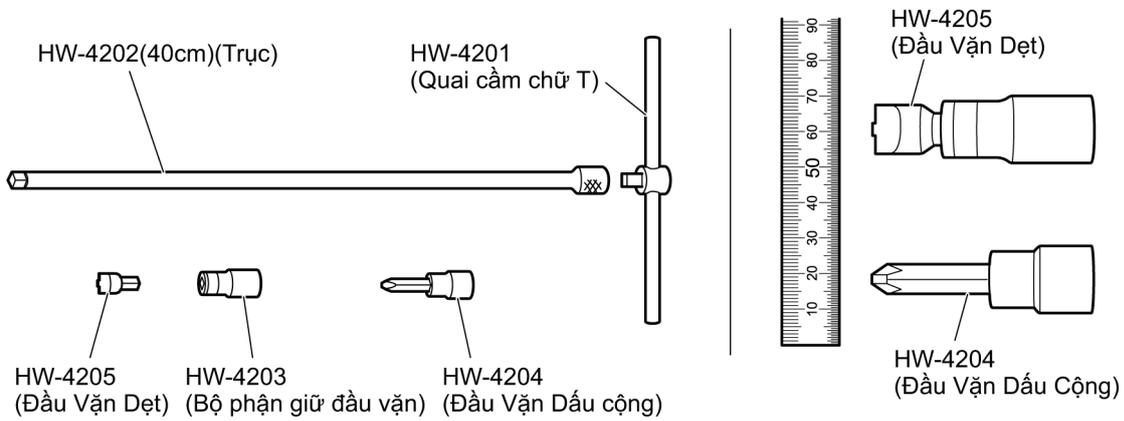
*Kéo vít lên nhưng không tháo hẳn vít ra để vít vẫn gắn trên mâm giặt.

*Khi lắp vào, loại bỏ tất cả bụi bẩn trước khi lắp mâm giặt mới vào.

Khi tháo mâm giặt ra, các dụng cụ liệt kê bên dưới sẽ rất hữu ích.

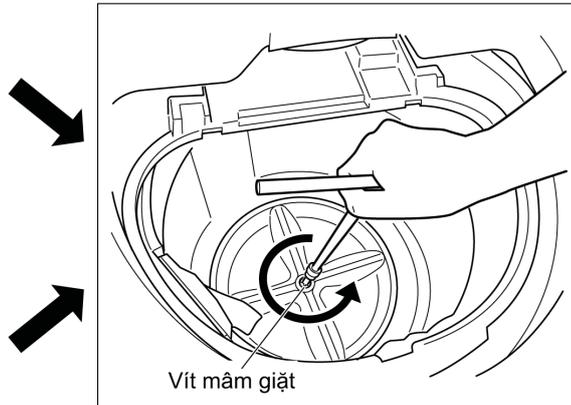
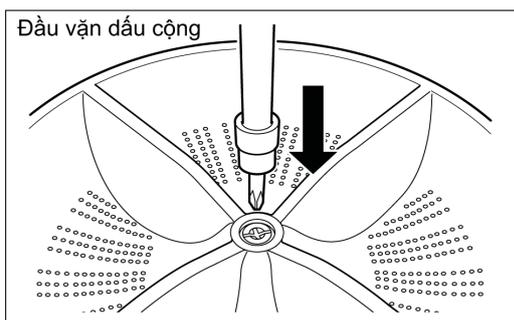
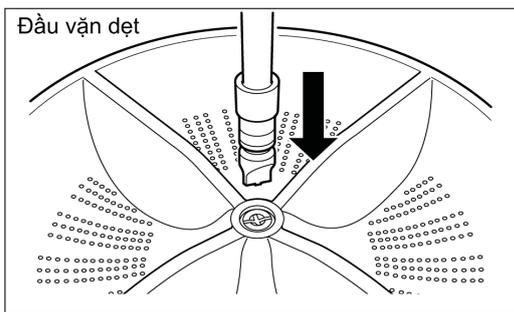
Dụng cụ tùy chọn để sửa chữa.

HW-42 (Dụng cụ tháo vít mâm giặt)



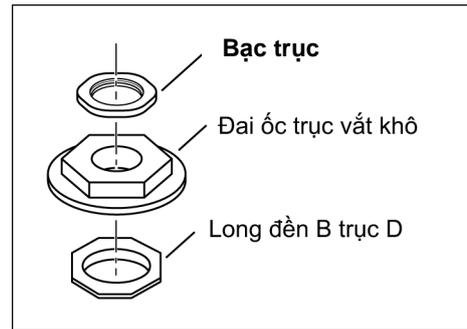
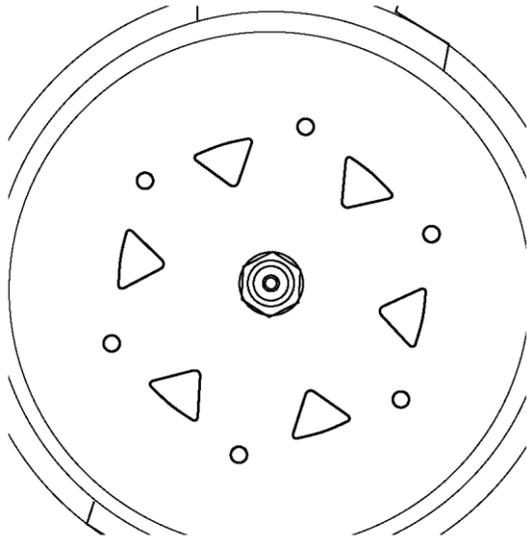
Cách sử dụng

- a. Trục (HW-4202) và quai cầm chữ T (HW-4201) được gắn vào.
- b. Đầu vận dẹt (HW-4205) hoặc đầu vận dẹt cộng (HW-4204) cỡ #a.
- c. Tháo vít của mâm giặt ra.



5. Tháo bạc trục ra, đai ốc trục Vắt khô, và long đèn B trục D.

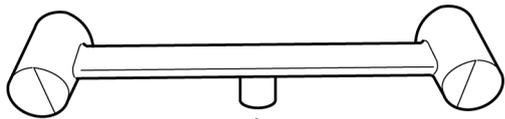
*Khi gắn vào, chắc chắn lắp bạc trục vào đúng cách (mặt có lỗ phải ngửa lên).



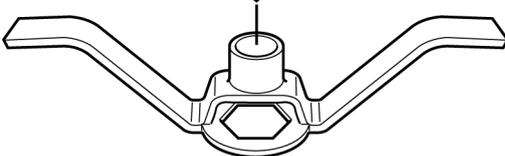
*Khi tháo đai ốc trục vắt khô, cần có các dụng cụ được liệt kê dưới đây.

HW-25K (Dụng cụ tháo đai ốc mặt bích)

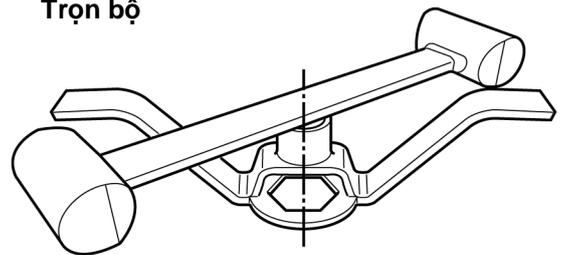
1. Búa



2. Bộ cố định

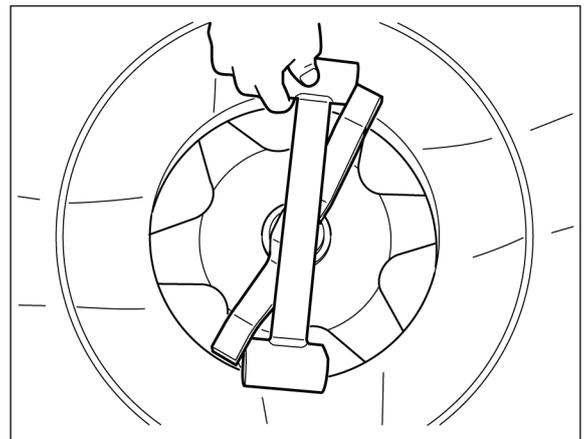
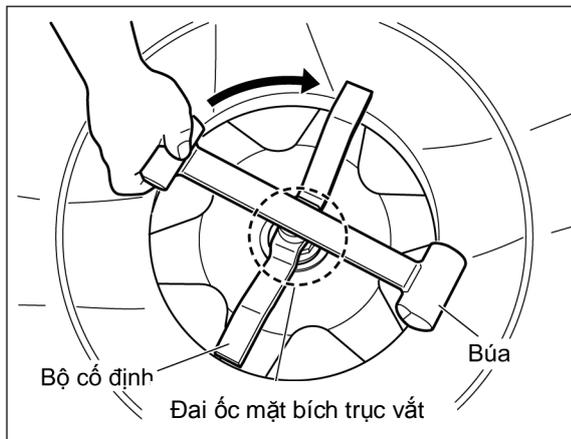


Trộn bộ



Cách sử dụng

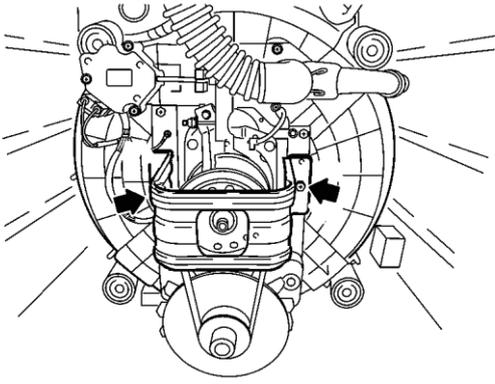
- Gắn "Bộ cố định" vào "Đai ốc mặt bích trục vắt".
- Gắn "Búa" vào.
- Xoay "Búa". (Khi búa đập mạnh vào bộ cố định, đai ốc sẽ lỏng ra)



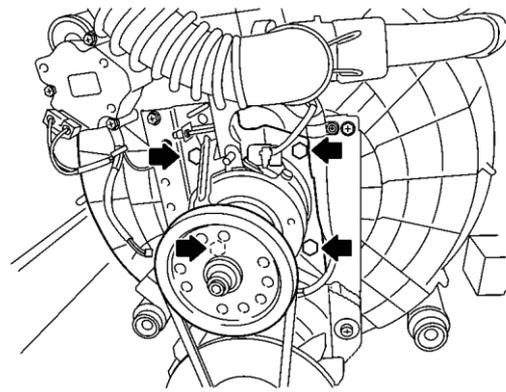
6. Giữ hai bên vành cân bằng và kéo lồng giặt ra. Kê tấm lót chống xước rồi lật sản phẩm nằm xuống về phía mặt trước. Tháo tấm chắn chuột dưới đáy máy sau đó tháo/kéo bộ phận truyền động ra.

[Đặt một tấm vải lên sàn để máy nằm lên tấm vải khi lật máy sang bên để tránh làm hỏng sàn]

7. Tháo 2 vít bắt tấm quay vắt ra



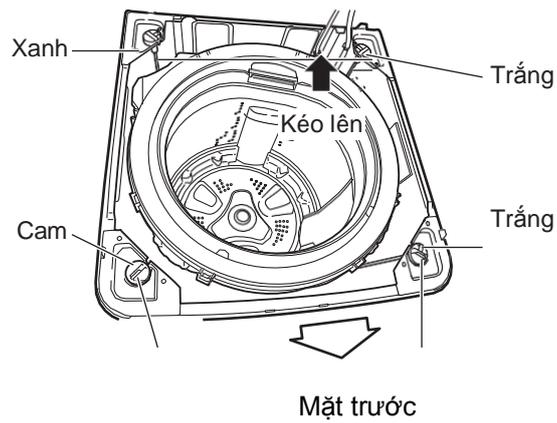
8. Tháo 4 vít bắt bộ phận truyền động.



*Sau khi thay bộ phận truyền động, chạy thử chế độ giặt và vắt để đảm bảo máy hoạt động đúng cách.

8.4. Thay quang treo

1. Tháo 2 vít gắn vào mặt bên của thân máy B.
2. Tháo 2 vít gắn vào mặt sau của thân máy B.
3. Nhấc thân máy B lên dựa vào tường.
4. Kéo lên và tháo treo ra khỏi Thân máy A.



8.4.1. Mỡ bôi trơn cho bộ phận treo

1. Chuẩn bị mỡ bôi trơn.



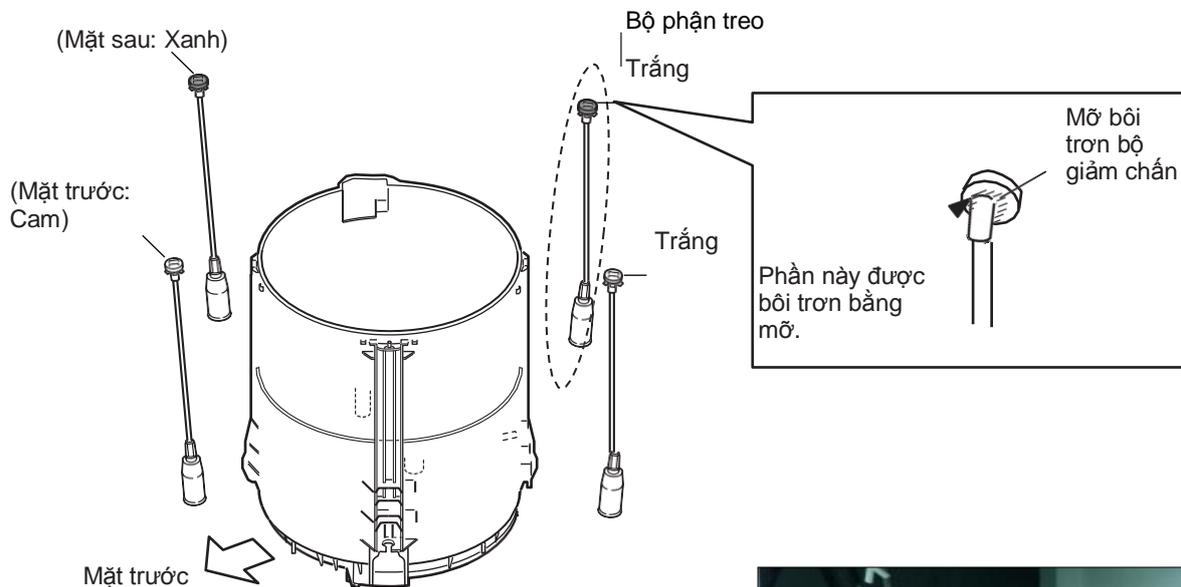
Số 28A:
(MỠ BÔI TRƠN BỘ GIẢM CHẤN)



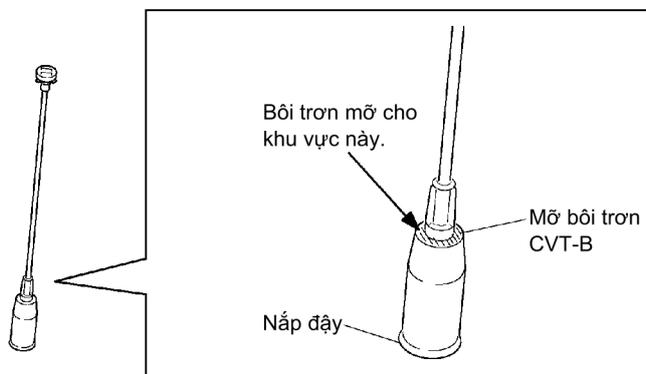
CVT-1B:
(MỠ BÔI TRƠN CVT-B)

2. Vị trí bôi mỡ

• Mỡ bôi trơn giảm chấn



• Mỡ bôi trơn CVT-B

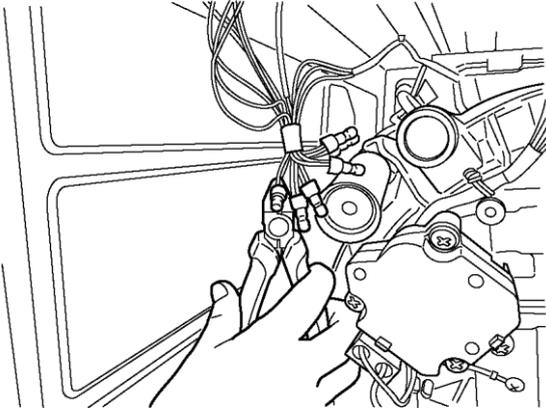


Chú ý:

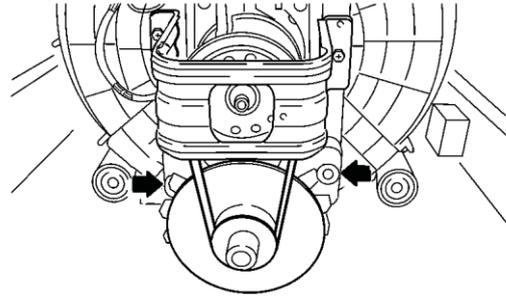
- Không được bôi mỡ bôi trơn này vào nắp đậy và bộ phận trượt.
- Bộ phận sẽ hỏng hoặc là nguyên nhân gây ra hiện tượng bất thường.
- Quán lại ống hơi như ban đầu. Tham khảo hình bên trên.

8.5. Thay động cơ

1. Kê tấm lót chống xước rồi lật sản phẩm nằm xuống về phía mặt trước. Tháo tấm chắn chuột dưới đáy máy.
2. Tháo nắp ngăn hóa chất và cắt đầu bịt kín của các dây điện màu vàng, đỏ và xanh dương bằng cách dùng kẹp.



3. Tháo 2 vít bắt động cơ ra.



Biện pháp phòng ngừa

1. Thông báo cảnh báo

Làm theo quy trình dưới đây để nối dây điện.

- Hãy chắc chắn ép phần đầu nối dây điện bằng cách sử dụng đầu nối cách điện. (Hãy chắc chắn sử dụng các bộ phận quy định và kim bấm.)
- Che phủ phần kết nối hoàn toàn bằng lớp phủ hóa chất và bịt kín các phần hở ra bằng băng dính. (Tận dụng lớp phủ hóa chất đi kèm với sản phẩm.)
- Cố định chặt phần đầu của dây điện, để ngăn không cho tiếp xúc với phần xoay, phần nóng và bề mặt đầu kim loại.
- Khi sửa chữa, kiểm tra sơ đồ đi dây và kết nối dây điện đúng cách.



Nếu quý vị không làm theo quy trình này, có thể dẫn đến việc sinh ra khói, lửa hoặc điện giật.

2. Sử dụng đầu nối Cách điện

* Đối với các bộ phận cần phải nối dây điện (bộ phận dây điện, bộ phận động cơ và bộ phận dây điện đầu nối), đầu nối cách điện sẽ đi kèm cùng với bộ phận. Tuy nhiên, cần có các cực nối uốn sóng bổ sung do bị mất hoặc vì lý do khác, hãy sử dụng số bộ phận ở trên để đặt hàng.

Số Bộ phận của đầu nối cách điện được sử dụng	AXW433-0922(CE2)
---	------------------

3. Cảnh trọng khi Sửa chữa

Tuân thủ các thông báo cảnh trọng dưới đây và thực hiện hoạt động đúng cách.

(1) Khi tháo nắp, không cắt dây lõi.
Đặt kích thước tháo nắp là 18 ± 2 mm.

(2) Sau khi tháo nắp, vặn dây điện từ hai đến ba lần.
Sau đó, đút dây điện vào cực nối Cách điện cho đến khi dây điện chạm vào phần cuối. Lúc này, chú ý để xem không có phần dây lõi nào thò ra bên ngoài cực nối cách điện.

(3) Ép phần giữa của cực nối cách điện bằng cách sử dụng các kim bấm.
Sau khi ép, kiểm tra để biết chắc rằng lõi dây đang thò ra.

(4) Che phủ phần kết nối hoàn toàn bằng lớp phủ chống lửa và bịt kín các phần hở ra bằng băng dính.
(Sử dụng nắp ngăn hóa chất ban đầu, hoặc nắp ngăn hóa chất được cung cấp làm bộ phận bảo trì.)

(5) Cố định chặt phần đầu của dây điện vào phần cố định dây điện, sao cho dây điện không tiếp xúc với phần xoay, phần nóng và bề mặt đầu kim loại.



Đút dây điện vào cho đến khi lõi dây tiếp xúc với phần cuối của cực nối cách điện.

Vặn

Phần trung tâm bằng kim loại

Cực nối cách điện

Dây điện

Kiểm tra để biết chắc rằng không có dây lõi thò ra.

Nắp ngăn hóa chất

Cực nối cách điện

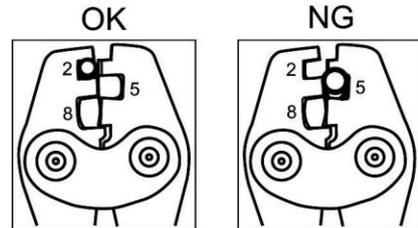
4. Kim bấm

- Sử dụng kim bấm dành riêng cho cực nối uốn sóng có lớp phủ cách điện đi kèm.
- Để ổn định kích thước uốn sóng, sử dụng kim bấm có cơ chế bánh cóc.
Cơ chế bánh cóc là cơ chế tránh mở công cụ ra trừ khi việc ép được thực hiện xong hoàn toàn.
- Có hai loại công cụ, là loại tương ứng với các loại cực nối uốn sóng đến cỡ CE-5, và loại tương ứng với các loại cực nối uốn sóng đến cỡ CE-8.
Khi mới chuẩn bị kim bấm, khuyến cáo chuẩn bị các kim bấm tương ứng với cỡ tối đa CE-5.
- Sử dụng kim bấm đúng cách bằng cách làm theo sổ tay hướng dẫn kim bấm.

Ngăn cấm sử dụng bất kỳ công cụ nào khác các loại kim bấm.

Không ép bằng cách sử dụng các loại kim bấm mũi dài, kim bấm càng cua, v.v...
Các loại kim bấm này có thể dẫn đến việc ép không đủ lực, gây ra hiện tượng nóng bất thường.

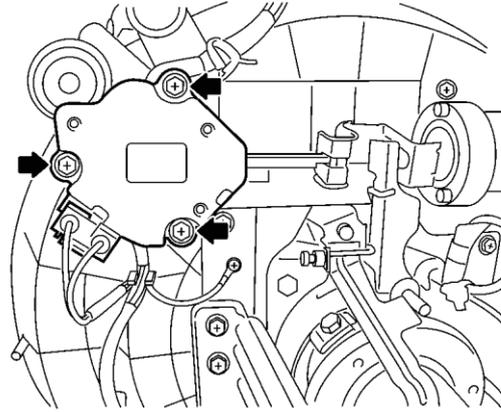
*Khi sử dụng cực nối uốn sóng loại nhỏ (CE-2) ->
Ép ở vị trí có chỉ báo "2".



*Sau khi thay Pu-li Động cơ và tổ hợp động cơ, chắc chắn điều chỉnh độ căng của dây đai và làm theo các bước kiểm tra bảo trì M (Xem trang 13) "Khởi động độ căng của dây đai." Điều chỉnh độ chặt của dây đai chữ V một chút
*Sau khi thay Động cơ, chạy chế độ hoạt động giặt và vắt khô và kiểm tra để đảm bảo rằng chúng hoạt động đúng cách.

8.6. Thay động cơ van xả

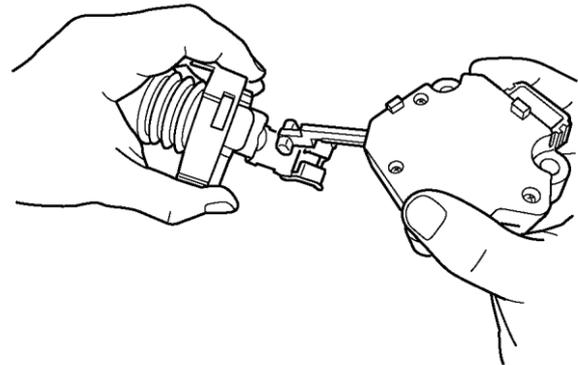
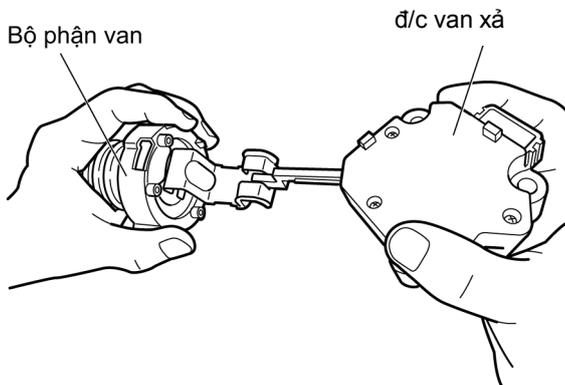
1. Kê tấm lót chống xước rồi lật sản phẩm nằm xuống về phía mặt trước.
Tháo tấm chắn chuột dưới đáy máy.
2. Tháo 3 vít và các đầu nối của động cơ Van xả ra.
3. Tháo bộ phận trượt của Động cơ van xả ra khỏi thanh kéo van rồi tháo Động cơ van xả.
*Sau khi thay động cơ van xả, chạy thử chế độ vắt khô để đảm bảo hoạt động chính xác..



8.7. Thay thế Van xả

1. Tháo các ốc vít bắt Động cơ van xả.
2. Kéo động cơ Van xả và bộ phận Van ra cùng một lúc
3. Động cơ Van xả và bộ phận Van cần thẳng hàng.

Bộ phận Van xả và Động cơ van xả có thể dễ dàng tháo rời ra.

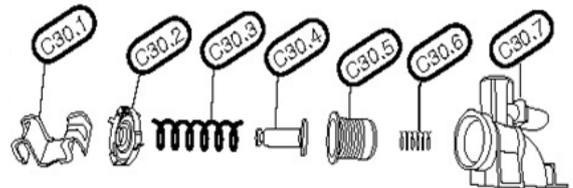
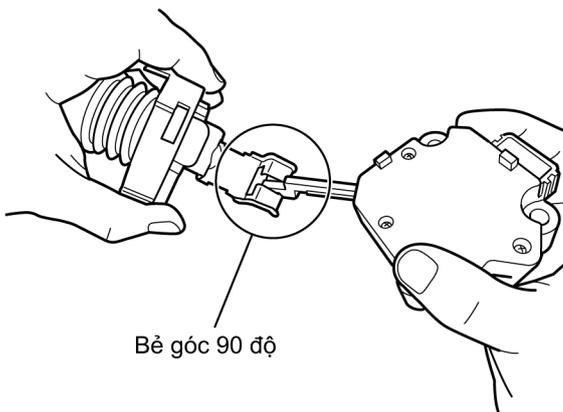


4. Bẻ bộ phận Van và động cơ van xả đi một góc 90 độ.

Cấu tạo bộ phận van:

Các linh kiện nhỏ trong van có thể tháo rời và thay thế được.

Chú ý: Khung van (C30.7) của dòng máy V5 (nước nóng) không thể tháo rời do nó được liên kết chặt với lồng giặt A và vỏ ngoài bộ nước nóng bằng keo. Nếu C30.7 của dòng máy V5 bị hỏng, nó phải được thay thế bằng C31 (Khung van +Vỏ bộ đốt nóng+bộ phận lồng giặt A)

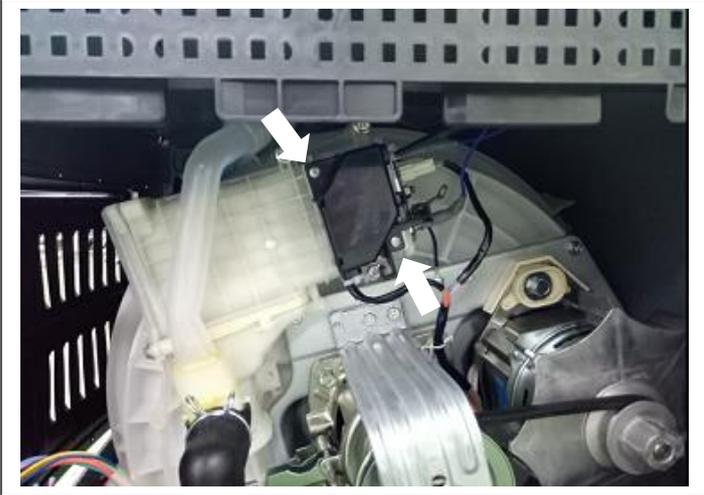


8.8. Thay bộ nước nóng

Thay thanh đốt nóng

1. Kê tấm lót chống xước rồi lật sản phẩm nằm xuống về phía mặt trước. Tháo tấm chắn chuột dưới đáy máy

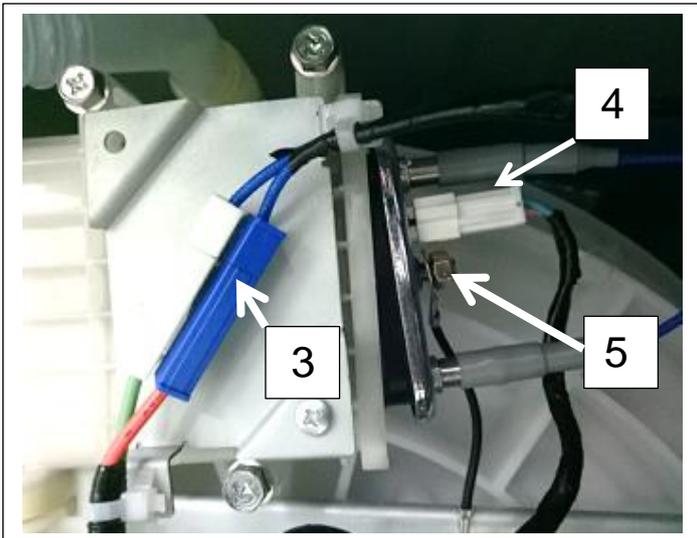
2. Tháo nắp che cụm dây điện (màu đen) bằng cách tháo 2 vít.



3. Tháo 2 chân cắm màu trắng và màu xanh

4. Tháo chân cắm màu trắng của cảm biến cụm nước nóng.

5. Tháo 2 ốc để tháo bộ đốt nóng và dây nối đất. (dây nối đất nằm giữa 2 ốc)

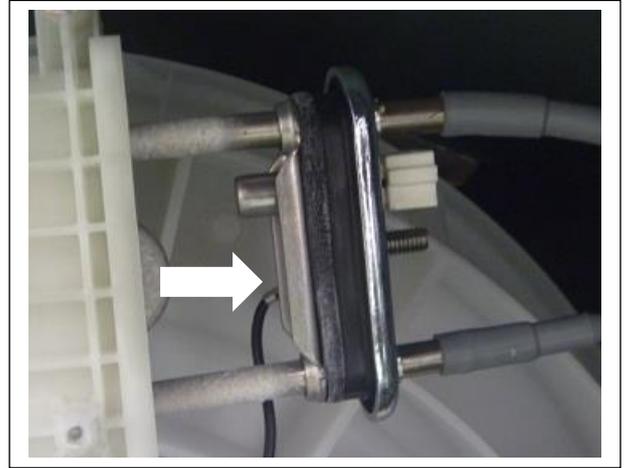


Chú ý:

- Lắp cẩn thận các vị trí có gioăng cao su
- Sau khi sửa chữa: cấp nước vào máy và kiểm tra để đảm bảo không rò nước.

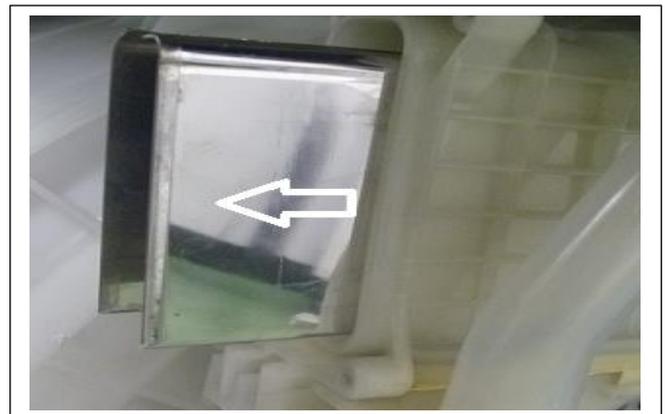
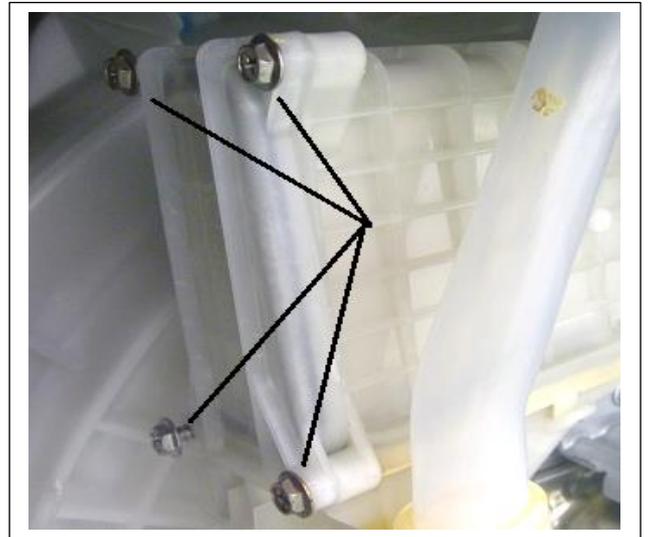
6. Rút bộ đốt nóng ra và thay bộ đốt nóng bằng cách siết chặt 2 ốc M10.

Chú ý: Khi siết ốc, gioăng cao su trên bộ đốt nóng sẽ nở rộng ra để giữ chặt bộ đốt nóng và ngăn rò nước.



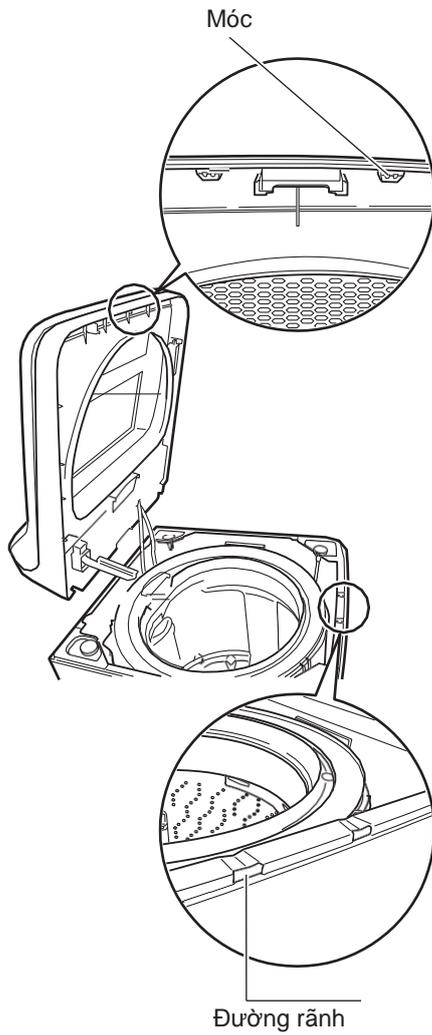
Thay giá đỡ bộ phận đốt nóng A

7. Tháo nắp che bộ phận đốt nóng B bằng cách tháo 4 vít. Sau đó kéo giá đỡ kim loại ra.



8.9. Lắp ráp phần thân máy B

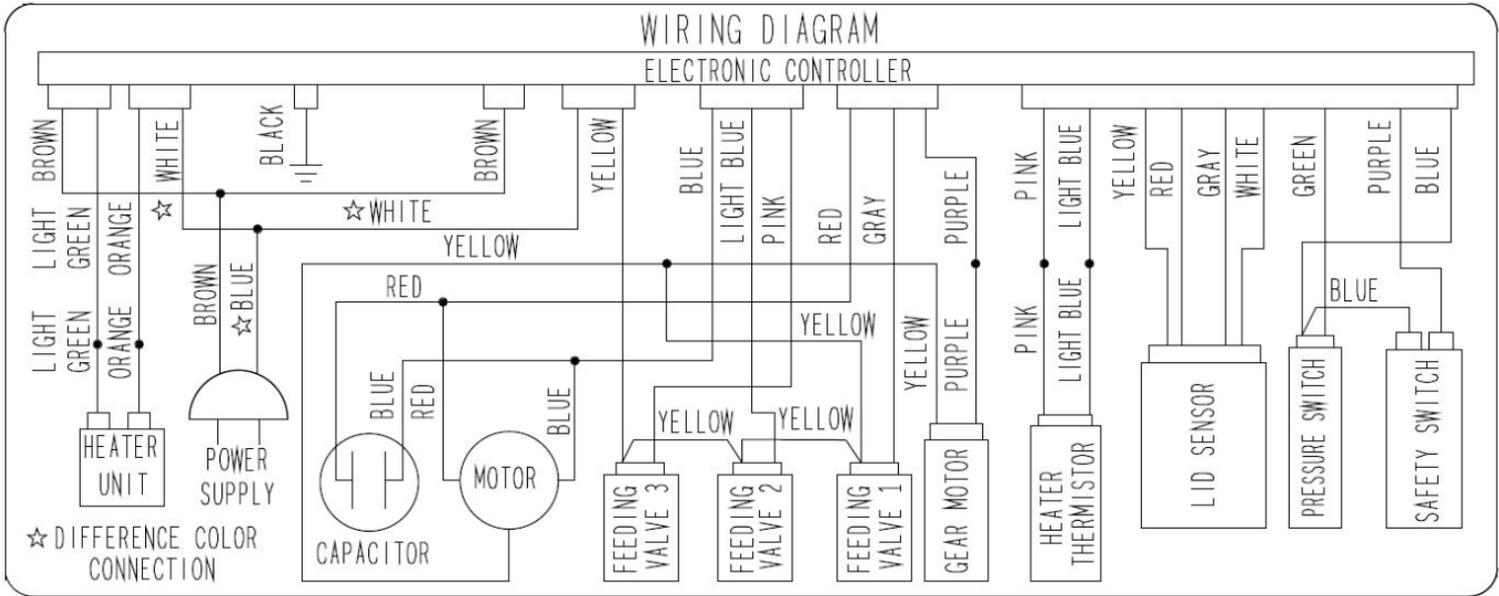
1. Đặt đúng vị trí hai móc giữ nắp máy vào ngàm giữ trên thân máy A trước.
2. Lắp Thân máy B vào thân máy A.



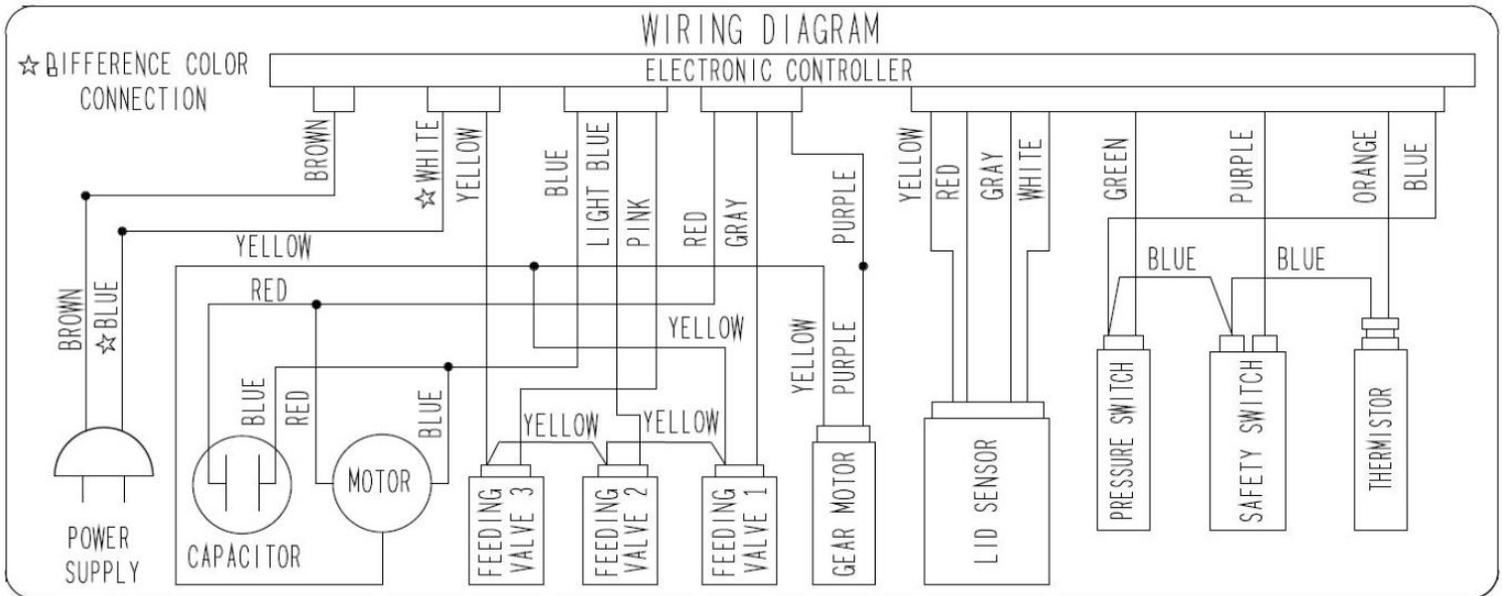
9 Sơ đồ nối dây

9.1. Sơ đồ nối dây

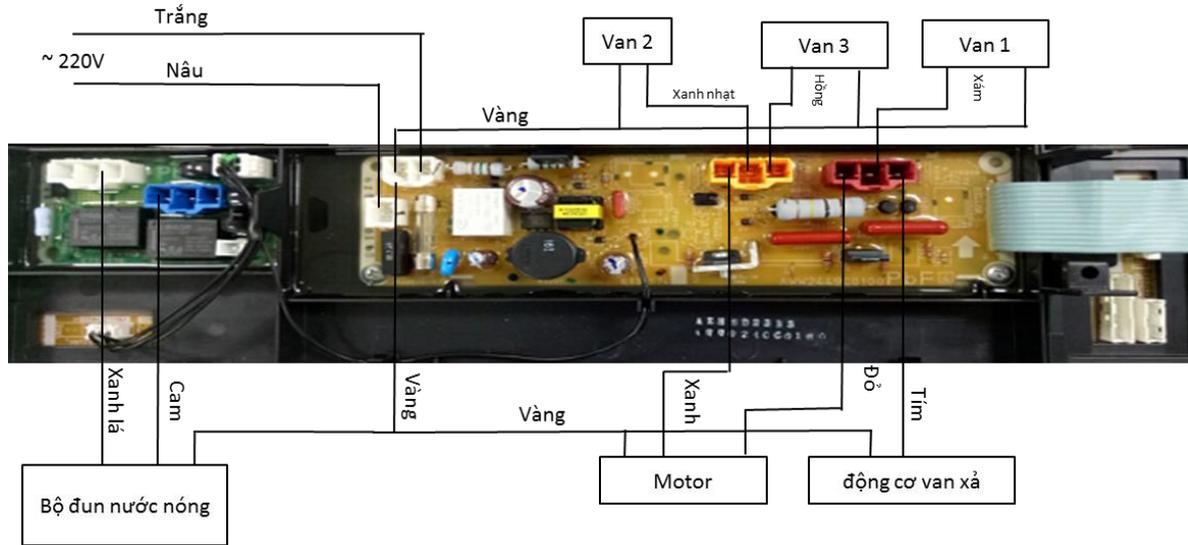
Dòng máy V:



Dòng máy X:

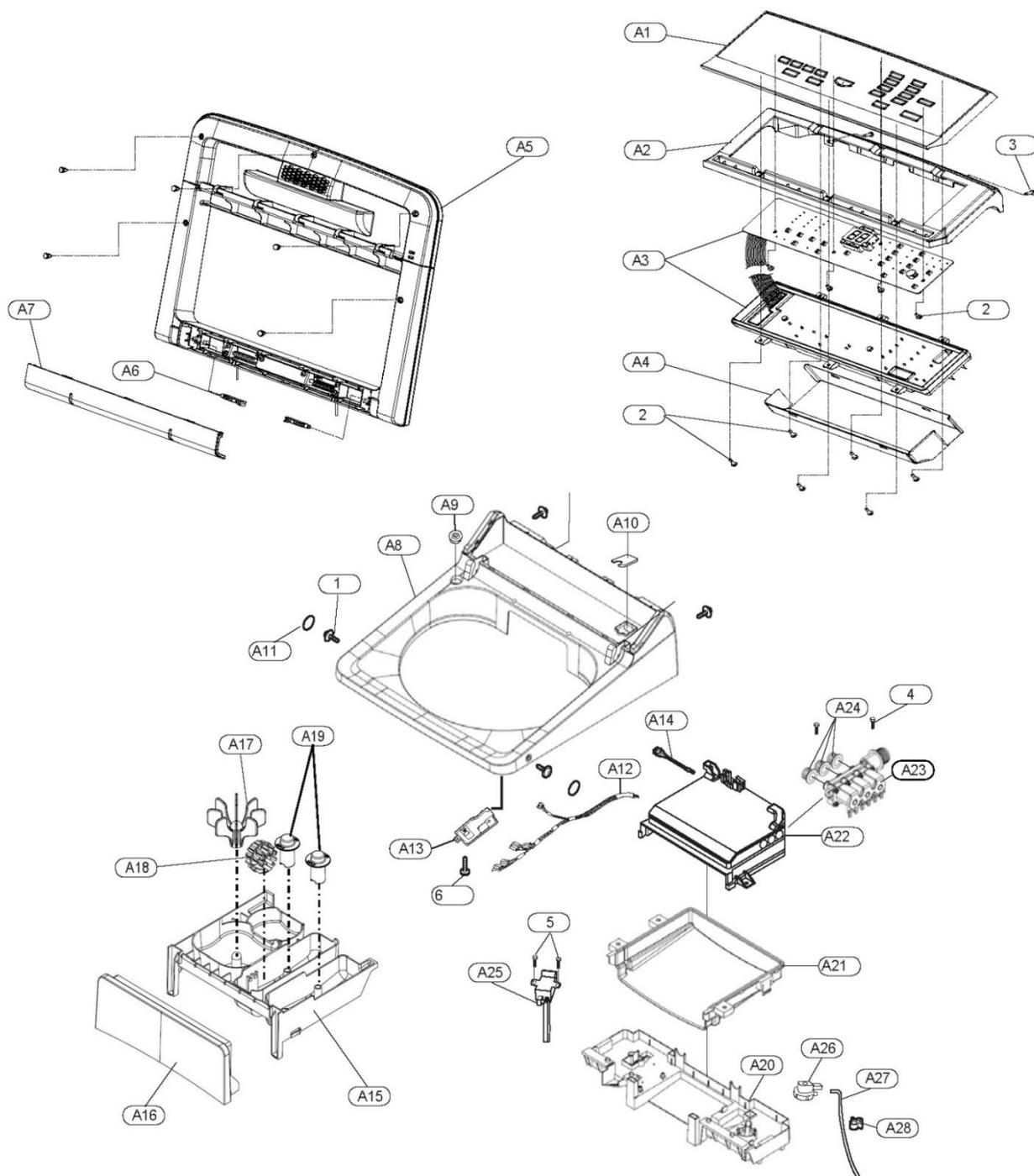


9.2. Kiểm tra điện áp Đầu vào và Đầu ra của Bảng mạch P.C.



10. Danh sách Hình vẽ Chi tiết Rời và Phụ kiện Thay thế

10.1 Hình vẽ Chi tiết Rời của các bộ phận: Phần A



10.2 Danh sách Phụ kiện Thay thế: Phần A

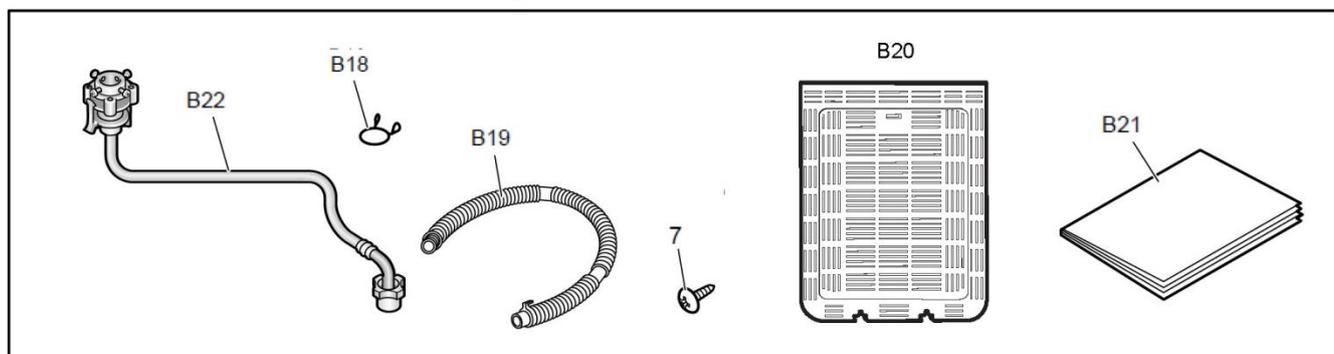
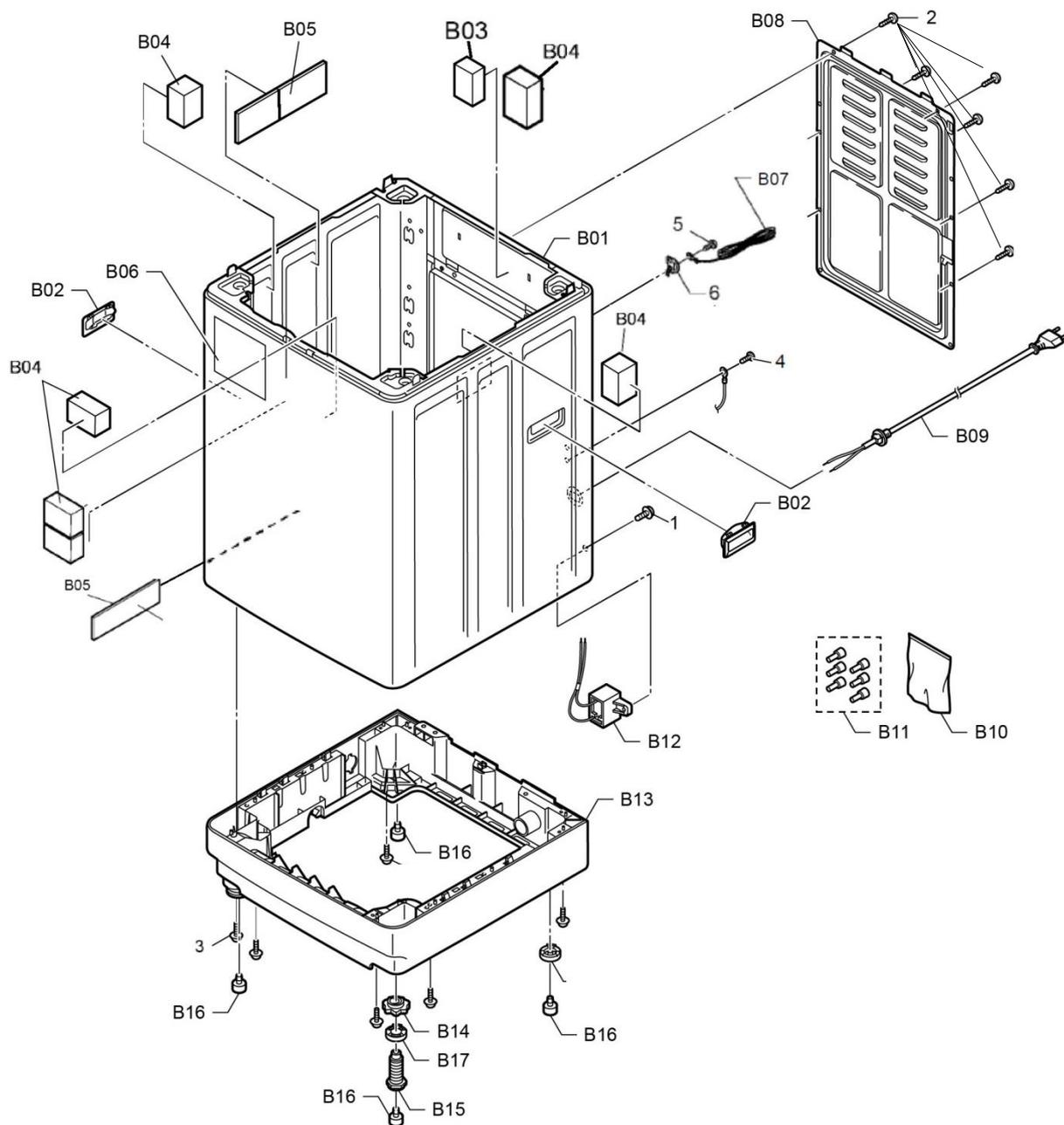
Thông báo an toàn quan trọng:

Các thành phần được nhận diện theo đánh dấu có đặc điểm quan trọng cho vấn đề an toàn.
Khi thay bất kỳ thành phần nào, chỉ sử dụng bộ phận đã được quy định.

An toàn	Số tham chiếu	Số bộ phận	Tên và mô tả bộ phận	Số lượng						Ghi chú
				NA-F85G5 HRV	NA-F85X5 LRV	NA-F90X5 LRV	NA-F90V5 LRV	NA-F100X5 LRV	NA-F100V5 LRV	
A1	AXW145-C07K0	MẶT BẰNG ĐIỀU KHIỂN	1						Bao gồm khung nhựa và mặt phím bấm.	
	AXW145-C06K0	MẶT BẰNG ĐIỀU KHIỂN		1						
	AXW145-C05K0	MẶT BẰNG ĐIỀU KHIỂN			1					
	AXW145-C02K0	MẶT BẰNG ĐIỀU KHIỂN				1				
	AXW145-C04K0	MẶT BẰNG ĐIỀU KHIỂN					1			
	AXW145-C01K0	MẶT BẰNG ĐIỀU KHIỂN						1		
A2	AXW130-C01L0	BẢNG ĐIỀU KHIỂN A	1							
	AXW130-C01H0	BẢNG ĐIỀU KHIỂN A		1	1	1	1	1		
Δ	A3	AXW24C-C0760	BẢN MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY	1					Gồm mạch nguồn và mạch hiển thị	
		AXW24C-C0660	BẢN MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY		1					
		AXW24C-C0560	BẢN MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY			1				
		AXW24C-C0260	BẢN MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY				1			
		AXW24C-C0460	BẢN MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY					1		
		AXW24C-C0160	BẢN MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY							1
A4	AXW486C0100	ĐỆM CÁCH ĐIỆN A	1	1	1	1	1	1		
A5	AXW1G-C010	BỘ PHẬN NẤP				1		1	Bao gồm cả miếng đệm nắp A (5 chiếc)	
	AXW1G-C040	BỘ PHẬN NẤP		1	1		1			
	AXW1G-C070	BỘ PHẬN NẤP	1							
A6	AXW193-9EU00	TRỤC BÀN LÈ NẤP MÁY	2	2	2	2	2	2		
A7	AXW111-C01K0	NẤP CỤM BÀN LÈ CỬA	1	1	1	1	1	1		
A8	AXW102-C01H0	THÂN MÁY B		1	1	1	1	1	Xám	
	AXW102-C01L0	THÂN MÁY B	1						Xám nhạt	
A9	AXW353-D0100	GIỌT NƯỚC CÂN BẰNG	1	1	1	1	1	1		
A10	AXW514-C010	NẤP A				1		1	Đen	
A11	AXW1638DV00E	MIẾNG DÁN BÊN HÔNG	2						Xám nhạt	
	AXW1638DV00V	MIẾNG DÁN BÊN HÔNG		2	2	2	2	2	Xám	
Δ	A12	AXW14A-C150	THIẾT BỊ DÂY ĐIỆN ĐẦU NỘI				1		1	
		AXW14A-C450	THIẾT BỊ DÂY ĐIỆN ĐẦU NỘI	1	1	1		1		
Δ	A13	AXW24N-0950	BỘ PHẬN CẤM BIẾN NẤP MÁY	1	1	1	1	1	1	
Δ	A14	AXW24N-1050	CẤM BIẾN ECO	1	1	1		1		
A15	AXW2151-C01H	KHAY XÀ PHÒNG B		1	1	1	1	1		
A16	AXW2192-C01H	MẶT TRƯỚC KHAY XÀ PHÒNG		1	1	1	1	1	1	Xám
	AXW2192-C01L	MẶT TRƯỚC KHAY XÀ PHÒNG	1							Xám nhạt
A17	AXW213-6C01B	CÁNH QUẠT A	1	1	1	1	1	1	Xanh	
A18	AXW213-7C01B	CON LẮN B	1	1	1	1	1	1	Xanh	
A19	AXW214-9C01C	NẤP SI PHON	2	2	2	2	2	2	Xanh nhạt	
A20	AXW138-C01K0	NẤP SAU BẢNG ĐIỀU KHIỂN A	1	1	1	1	1	1	Đen	
A21	AXW2250-C0100	KHAY XÀ PHÒNG A	1	1	1	1	1	1	Đen	
A22	AXW008E-10100	CỤM ỐNG PHUN	1	1	1	1	1	1		
Δ	A23	AXW292128160	VAN CẤP NƯỚC	1	1	1	1	1	1	Van 3 cổng
A24	AXW2164-8DV0	VÒNG CHẶN NƯỚC BẰNG CAO SU	3	3	3	3	3	3		
Δ	A25	AXW166125000	CÔNG TẮC AN TOÀN	1	1	1	1	1	1	
Δ	A26	AXW24T-431	CẤM BIẾN ÁP SUẤT NƯỚC	1	1	1	1	1	1	
A27	AXW2Q-9EU0	BỘ PHẬN ỐNG HƠI	1	1	1	1	1	1		
A28	AXW334-8DV0	CHÓT CHẶN	1	1	1	1	1	1		

1	XTWAXW477	ÓC ĐẶC BIỆT	4	4	4	4	4	4	Thân máy B - thân máy A
2	XTBAXW466	VÍT SIẾT	10	10	10	10	10	10	Bản mạch-Bảng điều khiển
3	XTBAXW466	VÍT SIẾT	2	2	2	2	2	2	Nắp bảng điều khiển A-Thân máy B
4	XTB4+12GFJ	VÍT SIẾT	2	2	2	2	2	2	Van cấp nước - nắp sau bảng điều khiển A
5	XTB4+12GFJ	VÍT SIẾT	2	2	2	2	2	2	Công tắc an toàn - nắp sau bảng điều khiển A
6	XTT3+6GS	VÍT SIẾT	1	1	1	1	1	1	Cấm biến nắp máy-thân máy B

10.3 Hình vẽ Chi tiết Rời của các bộ phận: Phần B



10.4 Danh sách phụ kiện thay thế: Phần B

NA-F100V5/F100X5/F90V5/F90X5/F85X5/F85G5

Thông báo an toàn quan trọng:

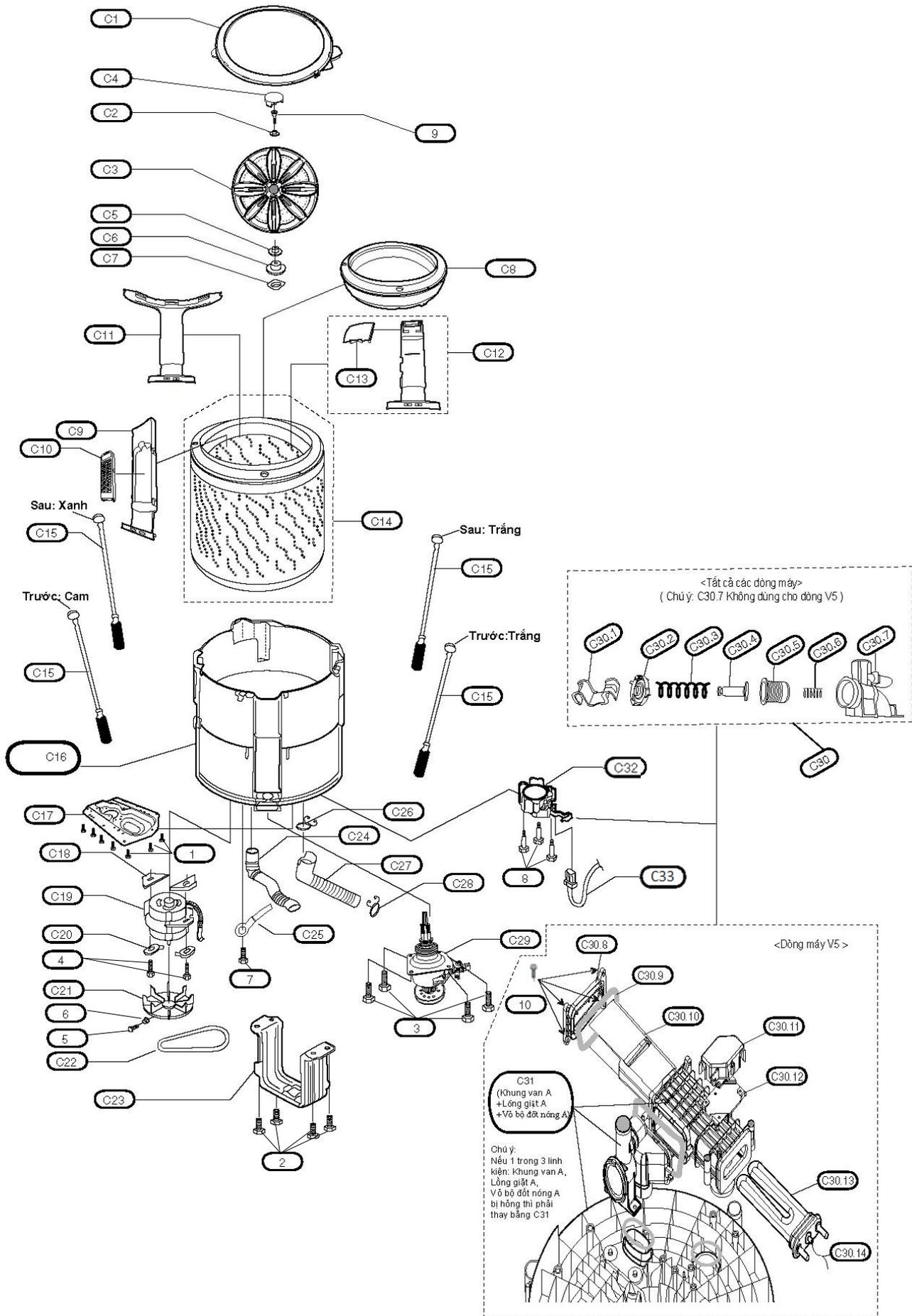
Các thành phần được nhận diện theo đánh dấu có đặc điểm quan trọng cho vấn đề an toàn.

Khi thay thế bất kỳ thành phần nào, chỉ sử dụng bộ phận đã được quy định.

An toàn	Số tham chiếu	Số bộ phận	Tên và mô tả bộ phận	Số lượng						Ghi chú
				NA-F85G5 HRV	NA-F85X5 LRV	NA-F90X5 LRV	NA-F90V5 LRV	NA-F100X5 LRV	NA-F100V5 LRV	
	B1	AXW101C9EU0	BỘ PHẬN THÂN MÁY A (BẠC)		1	1	1	1	1	Bao gồm miếng bảo vệ thân máy A, nhãn cảnh báo
		AXW101L9EU0	BỘ PHẬN THÂN MÁY A (XÁM NHẠT)	1						
	B2	AXW110K8DV0	TAY CẮM		2	2	2	2	2	Bạc
		AXW110E8DV0	TAY CẮM	2						Xám nhạt
	B3	AXW9046-8DT0	BẢO VỆ THÂN MÁY A			1	1	1	1	47 x 47 x 15 mm
	B4	AXW9046-8DV5	BẢO VỆ THÂN MÁY A	7	7	6	6	6	6	47 x 47 x 25 mm
	B5	AXW9046-C0100	BẢO VỆ THÂN MÁY A	4	4	4	4	4	4	55 x 120 x 2 mm
	B6	AXW1117-C01L0	NHÃN CẢNH BÁO				1		1	Nước nóng
		AXW1117-C04L0	NHÃN CẢNH BÁO	1	1	1		1		
Δ	B7	AXW30C-8DV1	BỘ DÂY NỐI ĐẤT	1	1	1	1	1	1	
	B8	AXW156-8DV0	NẮP CHE PHÍA SAU	1	1	1	1	1	1	
Δ	B9	AXW4A-73840	BỘ DÂY NGUỒN				1		1	
		AXW4A-73404	BỘ DÂY NGUỒN	1	1	1		1		
	B10	AXW448-7EC1	NẮP CHẶN HÓA CHẤT	1	1	1	1	1	1	
Δ	B11	AXW433-0922	ĐẦU NỐI BỊT KÍN CÁCH ĐIỆN	6	6	6	6	6	6	
Δ	B12	AXW403-7P957	TỤ ĐIỆN			1	1	1	1	
		AXW403-7T607	TỤ ĐIỆN	1	1					
	B13	AXW301-9EU0	BỆ ĐỠ A	1	1	1	1	1	1	
	B14	AXW343-9EU0	ĐẠI ỐC CHÂN ĐIỀU CHỈNH	1	1	1	1	1	1	
	B15	AXW335-9EU0	CHÂN ĐIỀU CHỈNH	1	1	1	1	1	1	
	B16	AXW339-9EU0	CHÂN ĐÉ	4	4	4	4	4	4	
	B17	AXW342-9EU0	TẤM ĐIỀU CHỈNH CHÂN					1	1	
	B18	AXW245-8DV6	ĐẠI ỐNG	1	1	1	1	1	1	
	B19	AXW2E-9EU0	ỐNG THOÁT NƯỚC B	1	1	1	1	1	1	
	B20	AXW2158-9EU0	TẤM LÓT ĐÁY	1	1	1	1	1	1	
	B21	AXW9901-C0100	HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH				1		1	
		AXW9901-C0400	HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH	1	1	1		1		
	B22	AXW12D8AR0	BỘ ỐNG ÁP SUẤT	1	1	1	1	1	1	

	1	XSN4+W10FJ	VÍT ĐẶC BIỆT	1	1	1	1	1	1	Tụ điện
	2	XITAXW465	VÍT ĐẶC BIỆT	6	6	6	6	6	6	Bảng mặt sau
	3	XITAXW465	VÍT ĐẶC BIỆT	10	10	10	10	10	10	Bệ đỡ A
	4	XSN5+10BNS	VÍT	1	1	1	1	1	1	Bộ dây nối đất
	5	XITAXW467	VÍT ĐẶC BIỆT	1	1	1	1	1	1	Nối đất - Bộ phận thân máy A
	6	XWC5AFJ	LONG ĐEN BẢNG CAO SU	1	1	1	1	1	1	Nối đất (dây nguồn điện, bộ dây nối đất)

10. 5 Hình vẽ Chi tiết Rời của Các Bộ phận: Phần C



10.6 Danh sách Phụ kiện Thay thế: Phần C

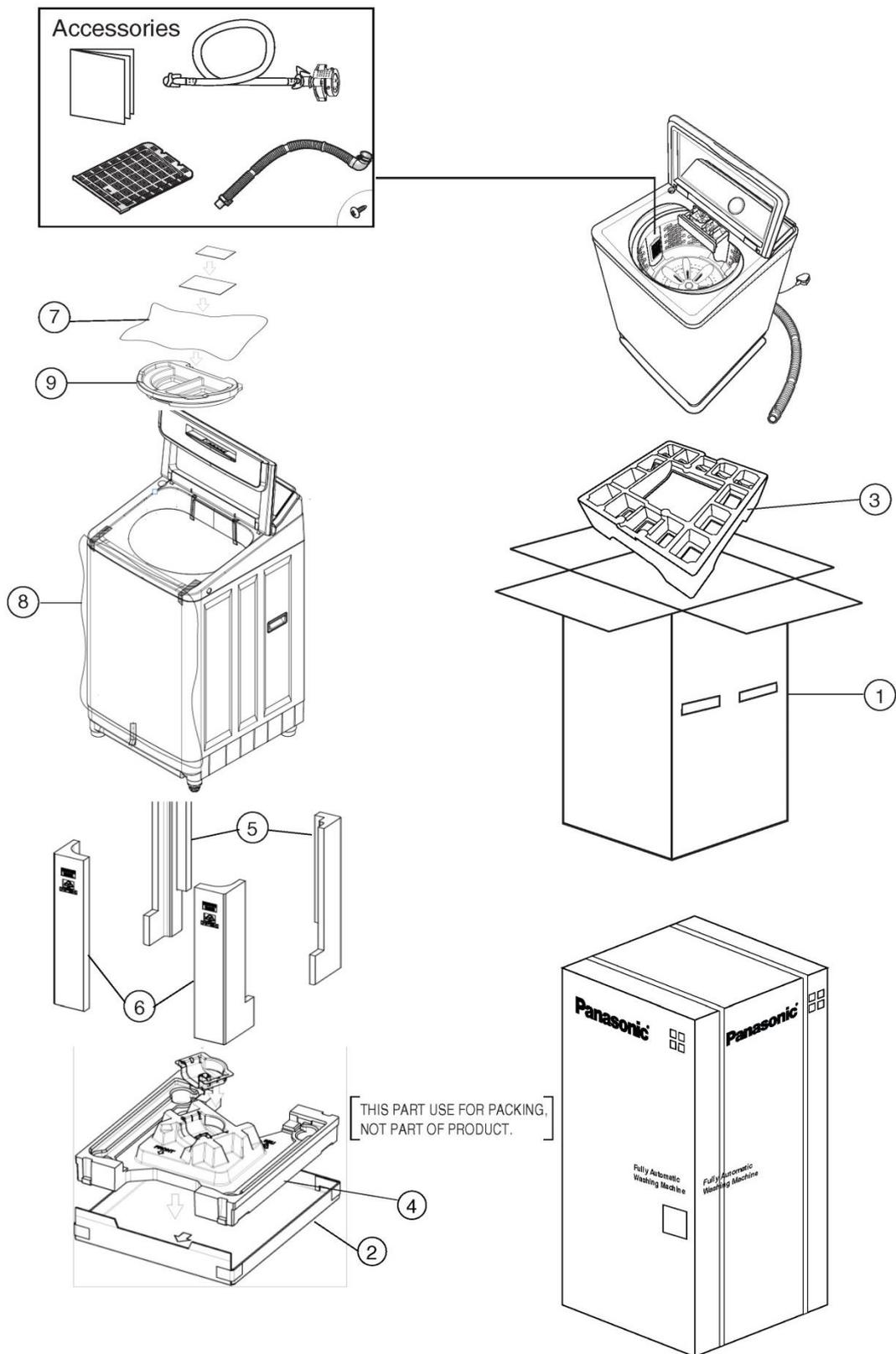
Thông báo an toàn quan trọng:

Các thành phần được nhận diện theo đánh dấu có đặc điểm quan trọng cho vấn đề an toàn. Khi thay thế bất kỳ thành phần nào, chỉ sử dụng bộ phận đã được quy định

An toàn	Số tham chiếu	Số bộ phận	Tên và mô tả bộ phận	Số lượng						Ghi chú
				NA-F85G5 HRV	NA-F85X5 LRV	NA-F90X5 LRV	NA-F90V5 LRV	NA-F100X5 LRV	NA-F100V5 LRV	
	C1	AXW3224-9EU0	NẮP CHE LÔNG GIẶT NGOÀI	1	1	1	1	1	1	
	C2	AXW257-8DV0	VÒNG CHỮ O	1	1	1	1	1	1	Gioăng cao su
	C3	AXW501-C0110	MÂM GIẶT		1	1	1	1	1	Mâm kim loại
		AXW501-C0700	MÂM GIẶT	1						Mâm nhựa
	C4	AXW533-C01U0	NẮP MÂM GIẶT		1	1	1	1	1	
	C5	AXW504-8DV0	BẠC TRỤC CƠ	1	1	1	1	1	1	
	C6	AXW1517-9EU0	ĐAI ỐC HĂM LÔNG GIẶT	1	1	1	1	1	1	
	C7	AXW1519-8DV0	VÒNG ĐỆM B	1	1	1	1	1	1	
	C8	AXW3501-9C01	TỔ HỢP VÀNH CÂN BẰNG	1	1	1	1	1	1	(Vành nước)
	C9	AXW0202-9EU2	BỘ PHẦN LÔNG GIẶT B	1	1	1	1	1	1	
	C10	AXW2205J8DV0	BỘ PHẦN LỌC SƠ VẢI	1	1	1	1	1	1	
	C11	AXW012V-9EU0	BỘ PHẦN LÔNG GIẶT E	2	2	2	2	2	2	
	C12	AXW2253-9EU2	BỘ PHẦN LÔNG GIẶT C	1	1	1	1	1	1	
	C13	AXW1198-9EU2	NẮP KHAY BỘT GIẶT/CHẤT TẨY	1	1	1	1	1	1	
	C14	AXW201-9C0W	LÔNG GIẶT	1	1	1	1	1	1	lông thép
	C15	AXW3441-9C100	BỘ THANH TREO LÔNG GIẶT	1	1	1	1	1	1	2 trắng, 1 xanh, 1 cam
	C16	AXW1316-C0130	LÔNG GIẶT NGOÀI A				1		1	Có nước nóng
		AXW1201-9C01	LÔNG GIẶT NGOÀI A	1	1	1		1		Không có nước nóng
	C17	AXW1202-9EU5	ĐÉ LÔNG GIẶT BĂNG THÉP	1	1	1		1		
	C18	AXW420-8DV0	VÒNG ĐỆM ĐỘNG CƠ A	2	2	2	2	2	2	
Δ	C19	AXW401-5B606	TỔ HỢP ĐỘNG CƠ			1	1	1	1	Bao gồm dây tiếp đất, dây động cơ van xả, dây bộ nước nóng và được quấn sẵn bằng dính
		AXW401-5B206	TỔ HỢP ĐỘNG CƠ	1	1					
	C20	AXW421-8DV0	VÒNG ĐỆM ĐỘNG CƠ B	2	2	2	2	2	2	
	C21	AXW411-9EU0	CÁNH QUẠT LÀM MÁT ĐỘNG CƠ	1	1	1	1	1	1	50 HZ
	C22	AXW041219860	DÂY ĐAI CHỮ V	1	1	1	1	1	1	50 HZ
	C23	AXW3232-9EU0	KHUNG BẢO VỆ BỘ LY HỢP	1	1	1	1	1	1	
	C24	AXW234-C010	ÔNG TRẦN B	1	1	1	1	1	1	
	C25	AXW03C-8DV0	BỘ DÂY NỐI ĐẤT	1	1	1	1	1	1	
	C26	AXW245-8DV5	ĐAI ÔNG	1	1	1	1	1	1	
	C27	AXW247-C010	ÔNG A				1		1	Có nước nóng
		AXW247-8DV0	ÔNG A	1	1	1		1		Không có nước nóng
	C28	AXW245-8DV5	ĐAI ÔNG	1	1	1	1	1	1	
	C29	AXW20A-8AH2	BỘ LY HỢP	1	1	1	1	1	1	
	C30	AXW9D-8DV0	CỤM VAN XÁ NƯỚC	1	1	1	1	1	1	
	C30.1	AXW932-8DV5	TAY ĐÓN VAN XÁ	1	1	1	1	1	1	- Máy nước nóng: Vỏ van không tháo ra được, chỉ có thể thay ruột van. Nếu muốn thay vỏ van thì phải thay bằng cả cụm C31.
	C30.2	AXW903-8DV0	NẮP VAN	1	1	1	1	1	1	
	C30.3	AXW971-8DV0	LÒ XO VAN B	1	1	1	1	1	1	
	C30.4	AXW981-8DV0	TAY ĐÓN VAN XÁ B	1	1	1	1	1	1	- Máy không có nước nóng: Có thể thay riêng vỏ van C30.7 hoặc thay cả cụm van C30.
	C30.5	AXW909-8DV0	VỎ NGOÀI VAN	1	1	1	1	1	1	
	C30.6	AXW922-8DV0	LÒ XO VAN	1	1	1	1	1	1	
	C30.7	AXW901-8DV0	KHUNG VAN	1	1	1		1		Thay bằng C31
		AXW901-C010	KHUNG VAN				1		1	
	C30.8	AXW131-7C010	NẮP BỘ NƯỚC NÓNG B				1		1	
	C30.9	AXW238-2D010	GIOĂNG NẮP BỘ NƯỚC NÓNG B				1		1	
	C30.10	AXW13K-C0100	GIÁ ĐỠ BỘ PHẦN NƯỚC NÓNG A				1		1	
	C30.11	AXW545-C0100	NẮP CHE CỤM DÂY ĐIỆN				1		1	- Máy nước nóng: Không thể thay vỏ ngoài cụm nước nóng, nếu hỏng phải thay bằng cụm C31.
	C30.12	AXW127-2C010	BỘ PHẦN CHỐNG THẤM NƯỚC				1		1	
Δ	C30.13	AXW013-C7644	BỘ PHẦN ĐỐT NÓNG				1		1	
	C30.14	AXW326-C0100	DÂY NỐI ĐẤT BỘ NƯỚC NÓNG				1		1	
	C31	AXW1316-C0130	BỘ PHẦN LÔNG GIẶT NƯỚC NÓNG (Khung van +vỏ bộ đốt nóng+bộ phận lồng giặt A)				1		1	Gồm: Lồng giặt ngoài A, Vỏ van xả, vỏ ngoài bộ đốt nóng A.
Δ	C32	AXW348202516	ĐỘNG CƠ VAN XÁ	1	1	1	1	1	1	
Δ	C33	AXW14B-9EU0	BỘ PHẦN DÂY ĐIỆN	1	1	1	1	1	1	

An toàn	Số tham chiếu	Số bộ phận	Tên và mô tả bộ phận	Số lượng						Ghi chú
				NA-F85G5 HRV	NA-F85X5 LRV	NA-F90X5 LRV	NA-F90V5 LRV	NA-F100X5 LRV	NA-F100V5 LRV	
	1	XTWAXW6529	VÍT ĐẶC BIỆT	7	7	7	7	7	7	lồng giặt ngoài A-B
	2	XTWAXW6529	VÍT ĐẶC BIỆT	4	4	4	4	4	4	tấm đệm dưới đáy lồng giặt
	3	XTWAXW546	VÍT ĐẶC BIỆT	4	4	4	4	4	4	Bộ li hộp -lồng giặt ngoài B
	4	XVGAXW852	VÍT ĐẶC BIỆT	2	2	2	2	2	2	Động cơ
	5	XVGAXW704	VÍT ĐẶC BIỆT	1	1	1	1	1	1	Cánh quạt làm mát động cơ
	6	XNGAXW702	BU-LÔNG ĐẶC BIỆT	1	1	1	1	1	1	Cánh quạt làm mát động cơ
	7	XTN4+8HFJ	VÍT ĐẶC BIỆT	1	1	1	1	1	1	Nồi đất
	8	XTWAXW6530	VÍT ĐẶC BIỆT	3	3	3	3	3	3	Động cơ van xả
	9	XSSAXW684	VÍT NHỎ ĐẶC BIỆT	1	1	1	1	1	1	Mâm giặt
	10	AWXTB04-001	VÍT ĐẶC BIỆT				4		4	nắp bộ đốt nóng

10.7 Hình vẽ chi tiết Rời của Các bộ phận: Bao bì



10.8 Danh sách phụ kiện Thay thế: Bao bì.

An toàn	Số tham chiếu	Số bộ phận	Tên và mô tả bộ phận	Số lượng						Ghi chú
				NA-F85G5 HRV	NA-F85X5 LRV	NA-F90X5 LRV	NA-F90V5 LRV	NA-F100X5 LRV	NA-F100V5 LRV	
	1	AXW9001-C0100	VỎ BẢO VỆ A	1	1	1	1	1	1	
	2	AXW9002-9EU1	VỎ BẢO VỆ B	1	1	1	1	1	1	
	3	AXW9004-C010	XÓP ĐỆM NÁP	1	1	1	1	1	1	
	4	AXW9005-9EU0	XÓP ĐỆ	1	1	1	1	1	1	
	5	AXW9015-C0100	XÓP ĐỆM GÓC (SAU)	1	1	1	1	1	1	1 CẶP (TRÁI VÀ PHẢI)
	6	AXW9015-C0110	XÓP ĐỆM GÓC (TRƯỚC)	1	1	1	1	1	1	1 CẶP (TRÁI VÀ PHẢI)
	7	AXW9069-9EU0	TẤM ĐỆM	1	1	1	1	1	1	
	8	AXW9069-9EU5	TẤM ĐỆM	1	1	1	1	1	1	
	9	AXW9085-C0100	BỘ PHẬN ĐỠ LÔNG GIÁT	1	1	1	1	1	1	